

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đoàn Thị Hải
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thị Hải
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Thị Hải.

Mã SV: 1113401036

Lớp: QTL 501K.

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.
 - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu năm 2012 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Đoàn Thị Hải** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương I: Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ theo quy định hiện hành.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2012). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 16 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

	MỤC LỤC	Trang
LỜI MỞ ĐẦU		
CHƯƠNG 1		1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ		
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ		1
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ		1
1.1.2. Vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ		2
1.1.3. Những khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh		2
1.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ		5
1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp		6
1.1.6. Các phương thức thanh toán		10
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ		12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu		12
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán		20
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh		26
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính		29
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác		33
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh		37
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ		41
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung		42

1.3.2.	Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	43
1.3.3.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	43
1.3.4.	Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	44
1.3.5.	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	45

CHƯƠNG 2 47

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH

2.1.	KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH.....	47
2.1.1.	Lịch sử hình thành và phát triển.....	47
2.1.2.	Cơ cấu sản xuất kinh doanh.....	48
2.1.3.	Tổ chức bộ máy kế toán.....	49
2.1.4.	Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Sơn Bình.....	50
2.2.	THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH.....	55
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình.....	55
2.2.2.	Kế toán giá vốn hàng bán.....	67
2.2.3.	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	77
2.2.4.	Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	86
2.2.5.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	94

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH 102

3.1.	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH.....	102
3.1.1.	Đánh giá chung.....	102
3.1.2.	Ưu điểm.....	103
3.1.3.	Nhược điểm.....	104

3.2.	MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH.....	106
3.2.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.....	106
3.2.2.	Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.....	106
3.2.3.	Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình.....	107
	KẾT LUẬN.....	118
	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	119

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2006, Đất nước chúng ta có rất nhiều niềm vui, vừa tổ chức thành công Hội nghị APEC lần thứ 14 và là thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO. Đây vừa là niềm vui, niềm tự hào của đất nước cũng là thách thức rất lớn khi chúng ta hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Những tác động trên cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế cũng như đến mỗi doanh nghiệp.

Trong các doanh nghiệp, việc tiêu thụ hàng hóa, phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh là vấn đề rất quan trọng. Sự quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường là làm thế nào để sản phẩm hàng hóa của mình tiêu thụ được trên thị trường và được thị trường chấp nhận đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp làm ăn có lãi.

Bên cạnh việc tổ chức kế hoạch tiêu thụ hàng hóa một cách hợp lý. Để biết được doanh nghiệp làm ăn có lãi không phải nhờ đến kế toán phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có một vai trò rất quan trọng. Kế toán phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một trong những thành phần chủ yếu của kế toán doanh nghiệp về những thông tin kinh tế một cách nhanh nhất và có độ tin cậy cao, nhất là khi nền kinh tế đang trong giai đoạn cạnh tranh quyết liệt mỗi doanh nghiệp đều tận dụng hết những năng lực sẵn có nhằm tăng lợi nhuận củng cố mở rộng thị phần của mình trên thị trường.

Cũng như các doanh nghiệp khác Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình là một Doanh nghiệp thương mại đã sử dụng kế toán để điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có tầm quan trọng rất lớn. Nó phản ánh thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với mỗi doanh nghiệp nên trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình dưới sự chỉ bảo tận tình của Giảng viên - Th.S Nguyễn Văn Thụ và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã

mạnh dạn tìm hiểu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình”**. Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài viết của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình.

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô sẽ chỉ bảo, tạo điều kiện để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

Trong những năm gần đây nền kinh tế thị trường đã diễn ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Vì vậy để tồn tại, đứng vững và phát triển có uy tín trên thị trường các doanh nghiệp phải tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc và có hiệu quả trong công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

Qua thông tin kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, mỗi doanh nghiệp sẽ tự tìm ra biện pháp quản lý sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá bán, cơ cấu mặt hàng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời kế toán về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để phân tích, đánh giá tình hình sử dụng tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp, để có quyết định quản lý phù hợp. Đây là công cụ cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

Hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là việc làm sau cùng của quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ. Yêu cầu đặt ra với các nhà quản lý là phải nắm bắt được doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ của kỳ này để lên kế hoạch cho kỳ tới. Vì vậy cần phải theo dõi các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Nó là công cụ để các nhà quản lý nhận xét, phân tích, đánh giá về khả năng kinh doanh của mình, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đồng thời nó cũng giúp các nhà đầu tư nhìn nhận một cách khách quan về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

Do đó hạch toán doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh đóng một vai trò quan trọng, có tính then chốt mang lại hiệu quả cao cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3. Những khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu chỉ bao gồm: Tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

❖ Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được từ các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền chênh lệch của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu

<i>Doanh thu thuần</i>		<i>Doanh thu bán</i>		<i>Các khoản</i>
<i>về bán hàng và</i>	=	<i>hàng và cung</i>	-	<i>giảm trừ</i>
<i>cung cấp dịch vụ</i>		<i>cấp dịch vụ</i>		<i>doanh thu</i>

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- **Hàng bán bị trả lại:** là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại ...

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- **Thuế xuất khẩu:** là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

• **Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

❖ **Chi phí:** là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định gồm có:

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí quản lý kinh doanh: phản ánh toàn bộ chi phí của doanh nghiệp bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp như chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ, dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ **Kết quả kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu thuần} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{động sản xuất} & = & \text{từ bán hàng và} & - & \text{hàng} & - & \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} & & \text{cung cấp DV} & & \text{bán} & & \text{kinh doanh} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{thu nhập tài chính} - \text{chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

Lãi sau thuế: là phần lãi còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

$$\begin{array}{ccccccc} & & & \text{Chi phí} & & & \\ & & & \text{(Giá vốn, chi} & & & \\ \text{Kết quả} & & & & & \text{Kết quả} & \text{Kết quả} \\ \text{kinh} & = & \text{Doanh thu} & - & \text{phí quản lý} & + & \text{hoạt động} & + & \text{hoạt động} \\ \text{doanh} & & \text{thuần} & & \text{kinh doanh)} & & \text{tài chính} & & \text{khác} \end{array}$$

1.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

Trong nền kinh tế thị trường tổ chức tốt công tác hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại có vai trò đặc biệt quan trọng: Từng bước hạn chế được sự thất thoát vốn, phát hiện được những chỗ vốn bị ứ đọng, chậm luân chuyển để có biện pháp xử lý thích hợp nhằm thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn. Số liệu mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp cho ban lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nắm bắt, đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời sự mất cân đối giữa các khâu ...

Để phát huy tốt vai trò và thực sự là quản lý đắc lực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,...đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các chi phí phát sinh, các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết và đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ cho việc lập báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho Ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.

1.1.5.1. Bán hàng.

Bán hàng: Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hoá) là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, là quá trình thực hiện mặt giá trị của hàng hoá trong mối quan hệ này doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hoá cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền mua hàng tương ứng với giá trị hàng hoá đó, số tiền này gọi là doanh thu bán hàng. Quá trình bán hàng được coi là hoàn thành khi có đủ 2 điều kiện sau:

- Bàn giao hàng cho người mua
- Người mua đã trả tiền hay chấp nhận thanh toán

tức là nghiệp vụ bán hàng chỉ xảy ra khi giao xong hàng, nhận được tiền hoặc giấy chấp nhận thanh toán của người mua 2 việc này có thể diễn ra đồng thời cùng một lúc hoặc không đồng thời tùy theo phương thức bán hàng của doanh nghiệp

Ý nghĩa của công tác bán hàng

Công tác bán hàng có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó là công đoạn cuối cùng của giai đoạn tái sản xuất. Doanh nghiệp khi thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo điều kiện thu hồi vốn, bù đắp chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước thông qua việc nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp, nâng cao đời sống người lao động trong doanh nghiệp.

1.1.5.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.

Các phương thức bán hàng

Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có thể bán hàng theo nhiều phương thức khác nhau như bán buôn, bán lẻ hàng hoá, kí gửi, đại lý, trong mỗi phương thức bán hàng lại có thể thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, chuyển hàng, ...).

- Phương thức bán buôn.

Bán buôn hàng hoá là phương thức bán hàng cho các đơn vị thương mại, các doanh nghiệp sản xuất... để thực hiện bán ra hoặc để gia công, chế biến bán ra. đặc điểm của hàng hoá bán buôn là hàng hoá vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông, chưa đi vào tiêu dùng, do vậy giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện. Hàng thường được bán theo lô hàng hoặc bán với số lượng lớn, giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán.

Trong bán buôn thường bao gồm hai phương thức:

(a) - Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho.

Là phương thức bán buôn hàng hoá mà trong đó, hàng bán phải được xuất từ kho bảo quản của doanh nghiệp. Bán buôn hàng hoá qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức.

+ Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp.

Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho của bên bán để nhận hàng. Doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá, giao trực tiếp cho đại

diện bên mua, sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

+ *Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức chuyển hàng*

Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hoá chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại, chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán, thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ. Người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao, chi phí vận chuyển do doanh nghiệp thương mại chịu hay bên mua chịu là do sự thỏa thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp thương mại nào chịu chi phí vận chuyển, sẽ được ghi vào chi phí bán hàng. Nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua.

(b)-Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng.

Theo phương thức này doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện của bên mua, không đưa về nhập kho mà chuyển bán thẳng cho bên mua. Phương thức này có thể thực hiện theo hai hình thức:

+ *Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp.*

Theo phương thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện của bên mua tại kho người bán, sau khi giao nhận, đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ.

+ *Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng.*

Theo phương thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm đã được thỏa thuận. Hàng hoá chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại, khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì hàng hoá chuyển đi mới được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức bán lẻ:

Bán lẻ hàng hoá là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ, bán hàng theo phương thức này có đặc điểm là hàng hoá đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá đã được thực hiện, bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc số lượng nhỏ, giá bán thông thường ổn định.

Bán lẻ có thể thực hiện dưới các hình thức sau:

(a)-Hình thức bán lẻ thu tiền tập trung

Bán lẻ thu tiền tập trung là hình thức bán hàng mà trong đó, tách rời nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua, mỗi quầy hàng có một nhân viên thu tiền làm nhiệm vụ thu tiền của khách, viết hoá đơn hoặc tích kê cho khách để khách đến nhận hàng ở quầy hàng do nhân viên bán hàng giao. Hết ca (hoặc hết ngày) bán hàng, nhân viên bán hàng căn cứ vào hóa đơn và tích kê giao hàng cho khách hoặc kiểm kê hàng hoá tồn quầy để xác định số lượng hàng đã bán trong ngày, trong ca và lập báo cáo bán hàng, nhân viên thu tiền làm giấy nộp tiền và nộp tiền bán hàng cho thủ quỹ.

(b)-Hình thức bán lẻ thu tiền trực tiếp.

Theo hình thức này nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền của khách và giao hàng cho khách, hết ca, hết ngày bán hàng, nhân viên bán hàng làm giấy nộp tiền và nộp tiền cho thủ quỹ, đồng thời kiểm kê hàng hoá tồn quầy để xác định số lượng hàng hoá đã bán trong ca trong ngày và lập báo cáo bán hàng.

(c)-Hình thức bán lẻ tự phục vụ (tự chọn).

Theo hình thức này khách hàng tự chọn lấy hàng hoá, mang đến bàn tiền và thanh toán tiền hàng, nhân viên thu tiền kiểm hàng, tính tiền lập hóa đơn bán hàng và thu tiền của khách hàng, nhân viên có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng và bảo quản hàng hoá ở quầy do mình phụ trách.

(d) - Hình thức bán hàng tự động.

Bán hàng tự động là hình thức bán lẻ hàng hoá mà trong đó, các doanh nghiệp thương mại sử dụng các máy bán hàng tự động chuyên dùng cho một hoặc một vài loại hàng hoá nào đó đặt ở các nơi công cộng. Khách hàng sau khi mua bỏ tiền vào máy, máy sẽ tự động đẩy hàng ra cho người mua.

- Phương thức bán hàng trả góp.

Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp thương mại, ngoài số tiền thu theo giá bán thông thường còn thu thêm người mua một khoản lãi do trả chậm về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng, tuy nhiên về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, hàng hoá bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

- Phương thức bán hàng thông qua đại lý

Là phương thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý, kí gửi để cho các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số chuyển giao cho các cơ sở đại lý, kí gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại cho đến khi doanh nghiệp thương mại được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức bán hàng theo hợp đồng thương mại.

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng theo hình thức hàng đổi hàng.

Là phương thức tiêu thụ mà trong đó người bán đem, hàng hoá của mình để đổi lấy hàng hoá của người mua, giá trao đổi là giá bán của hàng hoá đó trên thị trường.

1.1.6 Các phương thức thanh toán.

Thực hiện nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá, vốn của doanh nghiệp chuyển từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ. Doanh nghiệp mất quyền sở hữu về hàng hoá nhưng lại được quyền sở hữu một lượng tiền tệ nhất định do bên mua chi trả. Việc thanh toán tiền hàng có thể tiến hành ngay hoặc trả chậm hoặc trả dần do hai bên tự thoả thuận. Phương thức thanh toán thể hiện sự tín nhiệm lẫn nhau giữa hai bên mua và bán, đồng thời nó cũng gắn liền với sự vận động giữa hàng hóa với số tiền vốn, đảm bảo cho hai bên cùng có lợi.

Hiện nay, doanh nghiệp thường áp dụng 2 phương thức thanh toán: thanh toán trực tiếp và thanh toán không trực tiếp.

Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt :

Đây là hình thức thanh toán mà người mua sau khi nhận được hàng hoá do bên bán cung cấp thì tiến hành thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho bên bán. Thông thường hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường được áp dụng đối với hàng hoá tiêu thụ trong nước, các bên có khoảng cách địa lý gần nhau. Đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ, các khoản chi về vận chuyểnthường được thanh toán ngay bằng tiền mặt .

Phương thức thanh toán qua ngân hàng :

Trong điều kiện nền kinh tế phát triển như hiện nay thì ngân hàng giữ vai trò quan trọng trong quan hệ thanh toán tiền hàng giữa người mua và người bán, các phương thức thanh toán qua ngân hàng cũng rất phong phú đa dạng, việc lựa chọn phương thức nào là phụ thuộc và điều kiện của mỗi bên và sự thoả thuận giữa bên mua và bên bán. Các phương thức thanh toán qua ngân hàng gồm :

- Thanh toán bằng séc
- Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi
- Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu
- Thanh toán bằng thư tín dụng (L/C)
- Thanh toán bằng thẻ thanh toán
- Phương thức thanh toán bù trừ.

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là doanh thu chưa tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “hoá đơn GTGT”.

+ Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là doanh thu có tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “hoá đơn bán hàng”.

Doanh thu bán hàng được xác định khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý, quyền kiểm soát sản phẩm
- Doanh nghiệp đã thu hay sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB

hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

➤ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

• **Chứng từ sử dụng**

Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ hàng hóa doanh nghiệp thường sử dụng những chứng từ sau:

- Phiếu thu, giấy báo có, séc thanh toán, séc chuyển khoản.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho mẫu số 02 – BH áp dụng cho các doanh nghiệp không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT.
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán, hóa đơn bán lẻ do cơ quan thuế lập cho các cơ quan kinh doanh không thường xuyên và các khách lẻ.
- Hợp đồng mua bán, biên bản giao hàng hóa.
- Các chứng từ khác có liên quan.

• **Tài khoản kế toán sử dụng.**

Hạch toán kế toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ sử dụng các tài khoản sau:

📌 *Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2.*

Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5112- Doanh thu bán thành phẩm

Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5118- Doanh thu khác

Kết cấu của tài khoản 511:

TK 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch

Nợ

Có

– Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp của hàng bán trong kỳ kế toán. – Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán kết chuyển cuối kỳ. – Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. – Kết chuyển doanh thu thuần hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	– Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ hạch toán.
--	---

➤ **Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ**

Dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá dịch vụ, tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập (giữa các đơn vị chính, đơn vị phụ thuộc và giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau).

Kết cấu của tài khoản 512:

TK 512 Doanh thu bán hàng nội bộ

Nợ

Có

– Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp của hàng bán nội bộ. – Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán kết chuyển cuối kỳ. – Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. – Kết chuyển doanh thu thuần hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	– Doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ hạch toán.
---	--

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2.

Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm

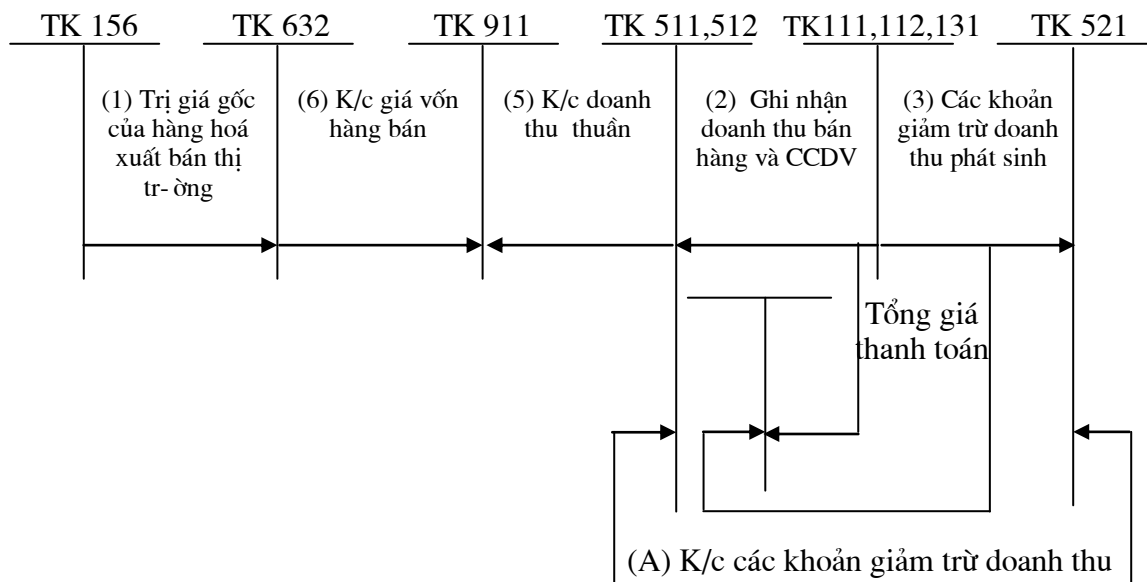
Tài khoản 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Ngoài ra để phản ánh doanh thu bán hàng kế toán còn sử dụng các tài khoản khác như 111, 112, 131, 333, ...

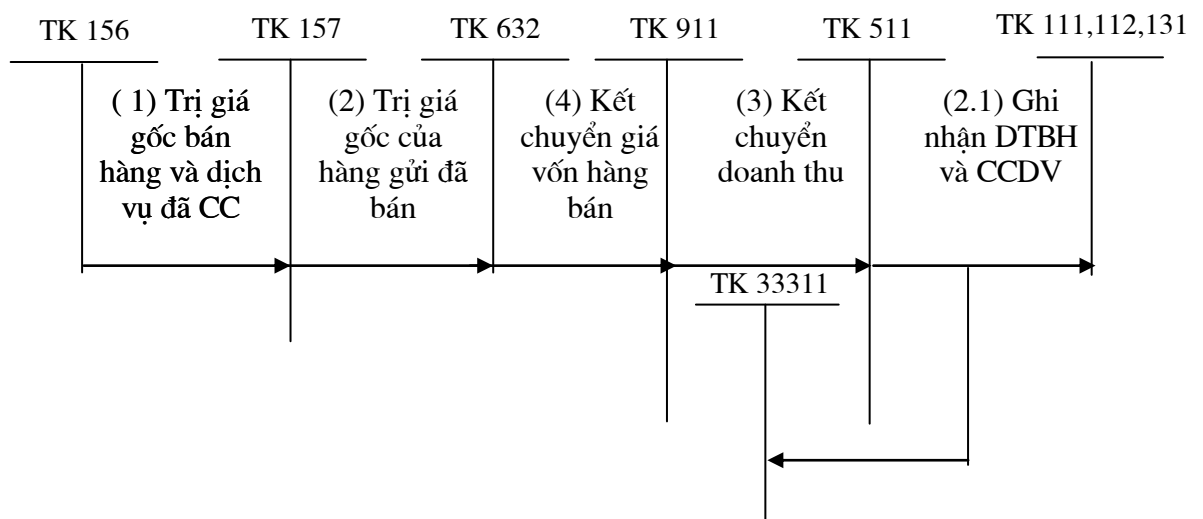
➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.1.1: Hạch toán bán hàng theo phương thức bán trực tiếp

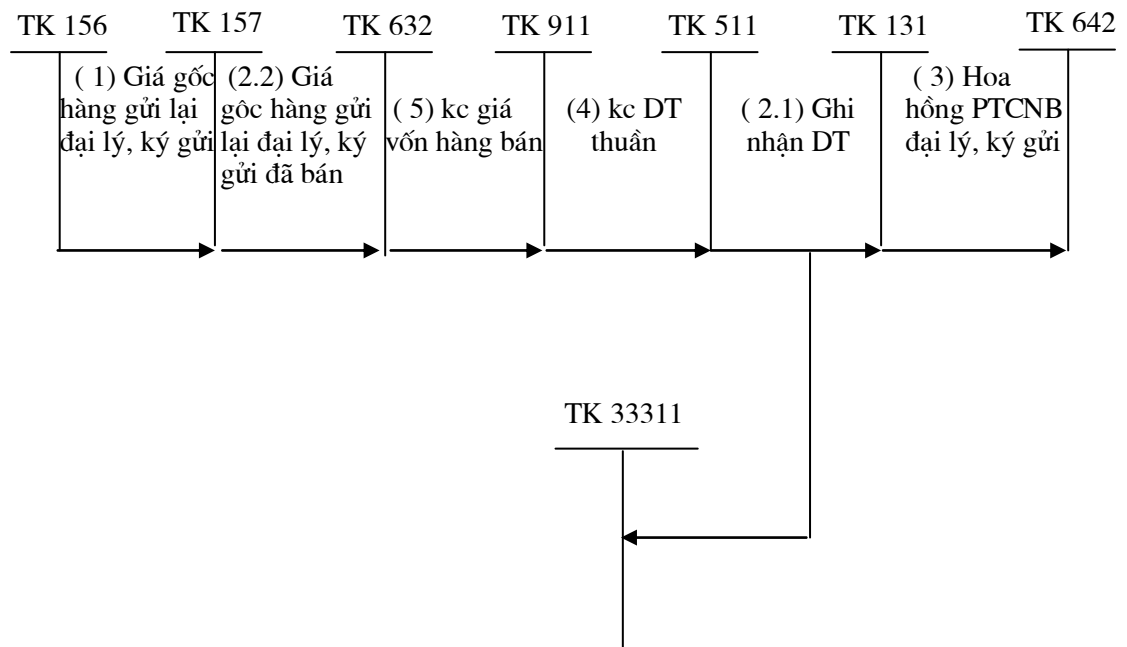
Kế toán bán hàng theo các phương pháp bán hàng chủ yếu.



Sơ đồ 1.1.2: Hạch toán bán hàng theo phương thức bán gửi đại lý, ký gửi

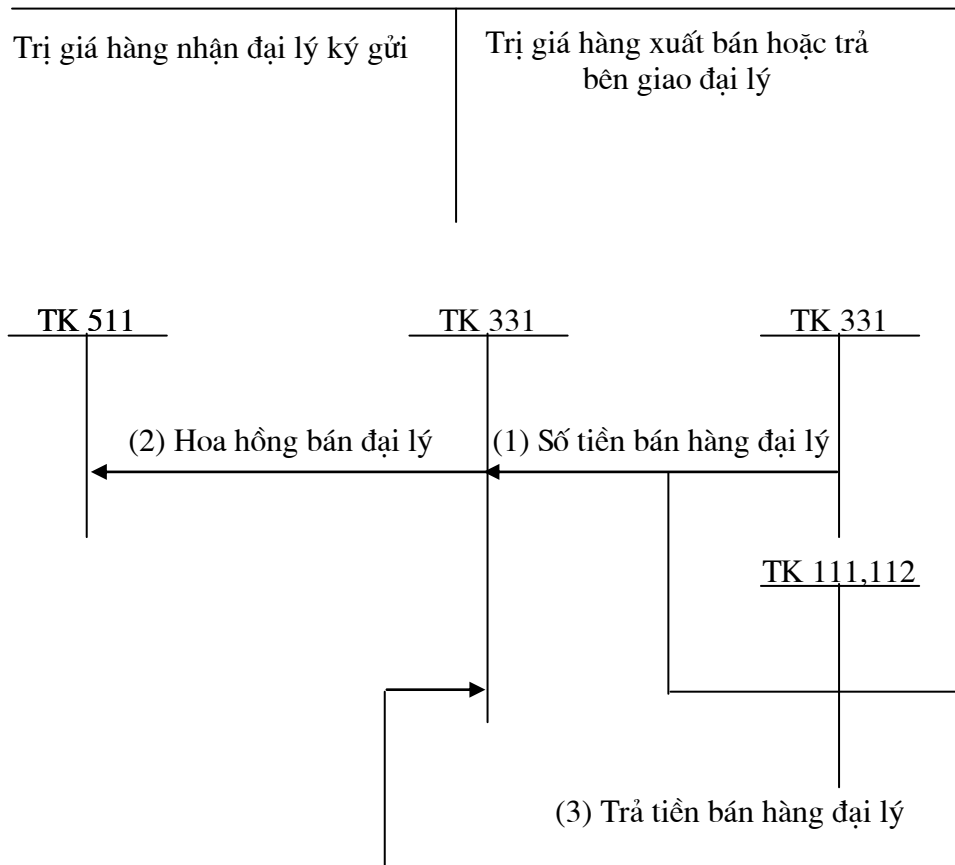


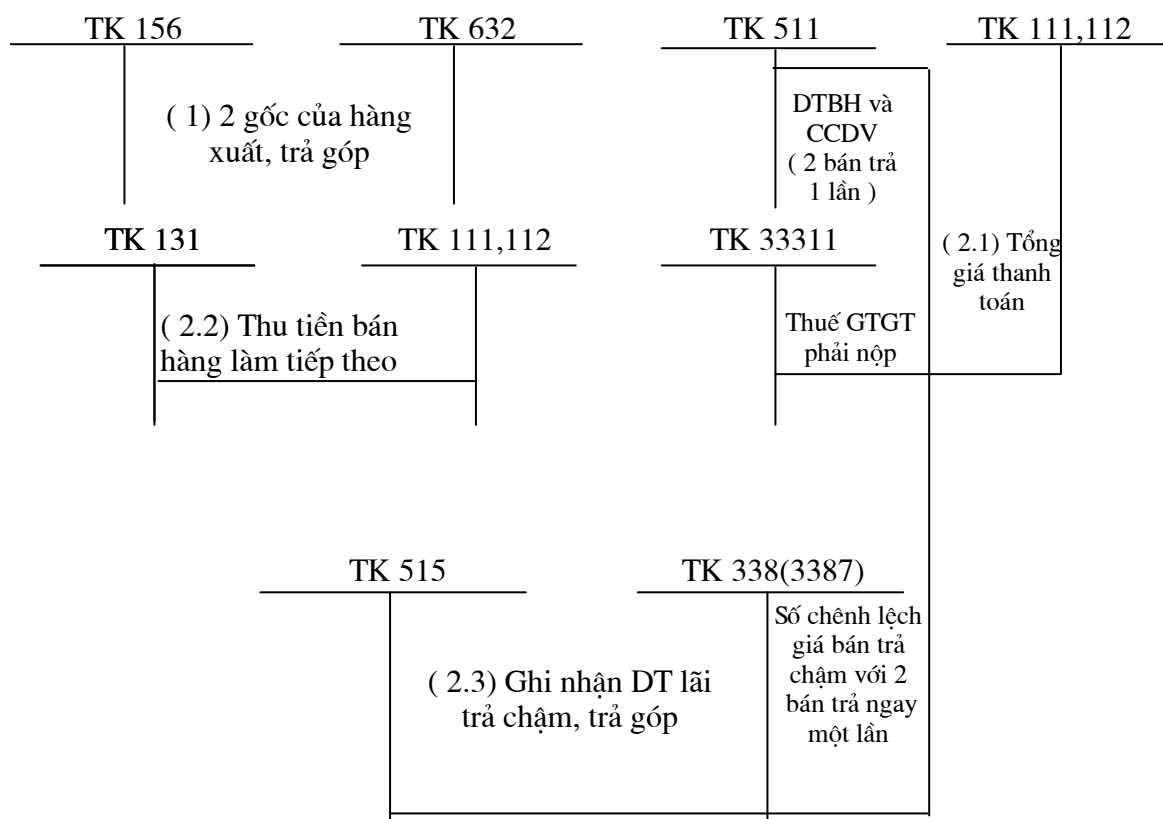
Sơ đồ 1.1.3: Hạch toán bán hàng giao đại lý



Sơ đồ 1.1.4: Hạch toán bán hàng bên nhận đại lý

TK 003- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi



Sơ đồ 1.1.5 : Hạch toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp**1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, ...

- **Tài khoản kế toán sử dụng.**

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

TK 521 gồm 3 TK cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu thương mại

TK 5212: Hàng bán bị trả lại

TK 5213: Giảm giá hàng bán

TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hàng cam kết mua, bán hàng).

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 5211:

TK 5211- Chiết khấu thương mại

Nợ	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	Kết chuyển số chiết khấu đã thanh toán sang TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ hạch toán

Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ

TK 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 5212.

TK 5212 - Hàng bán bị trả lại

Nợ	Có
Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hàng hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán ra.	Kết chuyển trị giá của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

TK 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 5213

TK 5213 – Giảm giá hàng bán

Nợ	Có
Giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.	Kết chuyển các khoản làm giảm trừ giá hàng bán vào bên nợ TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra còn có các khoản làm giảm trừ doanh thu như:

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

Tài khoản sử dụng : TK 3332

- **Thuế xuất khẩu:** là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

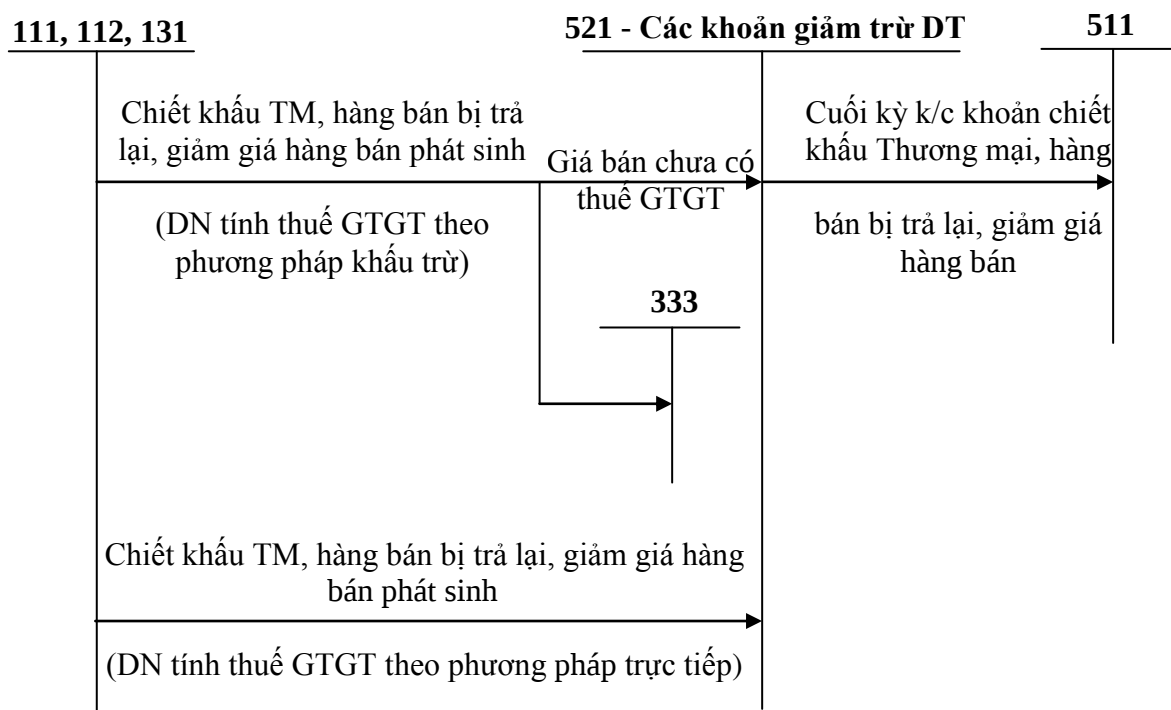
Tài khoản sử dụng : TK 3333

- **Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Tài khoản sử dụng : TK 3331

➤ Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

Kế toán giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp đã bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí xây dựng cơ bản dở dang vượt trên mức bình thường, số trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu xuất kho (mẫu 01 – VT).
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT).

Và các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng.**

Đối với doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên sử dụng tài khoản:

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Đối với doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản:

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Tài khoản 611 - Mua hàng

➤ Tài khoản 632

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kì.

*** Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thương xuyên:**

Bên nợ:

Đối với hoạt động kinh doanh thương mại, phản ánh:

- + Trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán ra trong kì
- + Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng, tư chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, phản ánh.

- + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ
- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo bất động sản đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư
- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư trong kỳ
- + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ
- + Chi phí của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư trong kỳ.

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số lập năm nay nhỏ hơn số lập năm trước)
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- **Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai định kỳ**

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Bên nợ:

- + Trị giá của hàng bán ra trong kỳ
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số năm nay lớn hơn số năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ được.
 - + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số năm trước)
 - + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ của TK 911
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ*

➤ **Tài khoản 611 – Mua hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ

Bên nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa tồn kho (Theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc hàng hóa mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại...

Bên có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
 - Giá gốc hàng hóa xuất sử dụng trong kỳ, hoặc xuất bán trong kỳ (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ)
 - Giá gốc hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giảm giá
- Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ*

Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.

Để đưa ra được giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hóa mua vào luôn biến động do đó đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp nhất định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp:

1. Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Phương pháp này dựa trên giả thiết lô hàng nhập kho trước sẽ được xuất kho trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng tự như chúng được mua vào nhập kho. Việc tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Nhưng nhược điểm của phương pháp này là đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất theo từng lần. Trị giá hàng hóa xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

2. Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này có ưu điểm là trị giá hàng hóa xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời điểm xuất kho hàng hóa. Nhưng trị giá hàng hóa tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động giảm về giá.

3. Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng hóa tồn kho được tính theo trị giá trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho tương tự được mua trong kỳ.

$$\frac{\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho}}{\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho}} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ}}{\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ}} = \frac{\frac{\text{Trị giá thực tế của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}}{\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

4. Phương pháp thực tế đích danh:

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hóa tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo từng hóa đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ được xác định như sau:

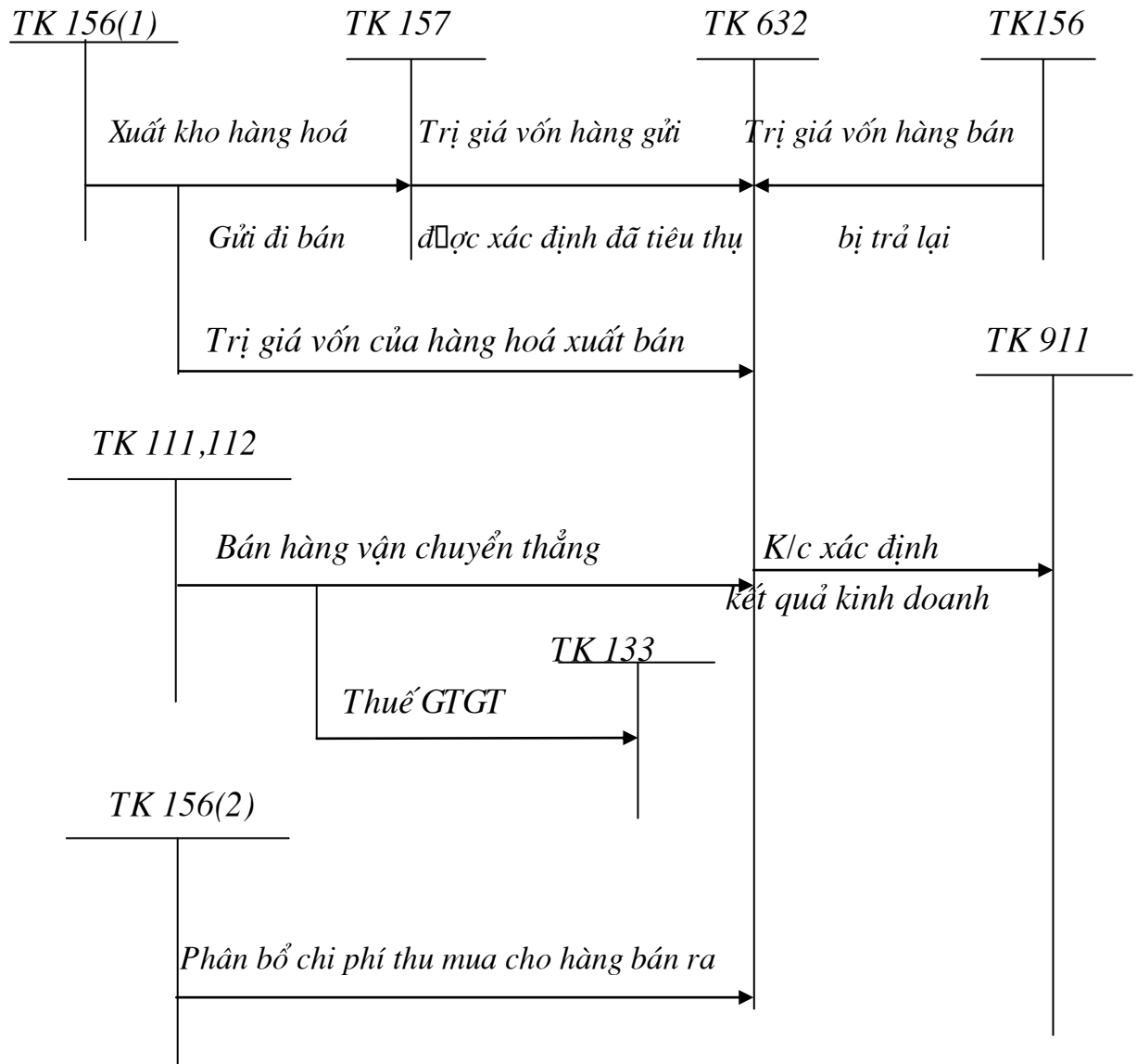
$$\text{Trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ} = \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} + \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

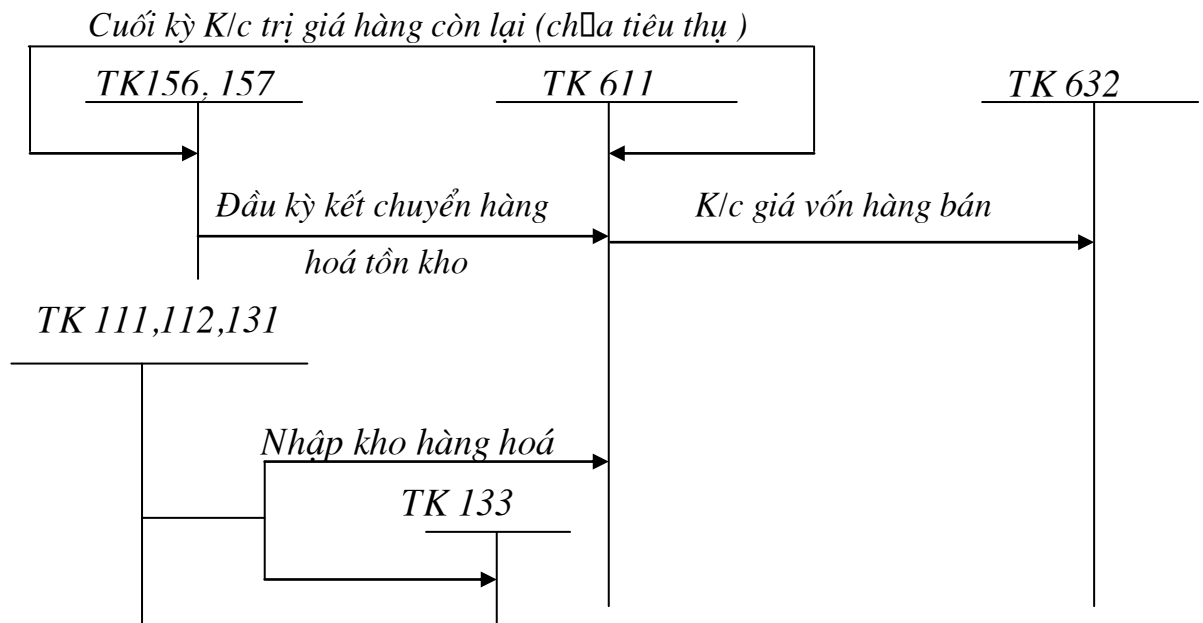
Trong đó:

$$\text{Phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Tổng trị giá hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \times \begin{matrix} \text{Tổng chi phí thu} \\ \text{mua của hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ và} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix}$$

➤ **Phương pháp hạch toán.**

Sơ đồ 1.3.1: Hạch toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp KCTX)



Sơ đồ 13.2 : Hạch toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp KKĐK)**1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bảo quản và bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển ..

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.....

➤ Chứng từ kế toán sử dụng.

- Các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho công tác bán hàng và công tác quản lý doanh nghiệp

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội cho nhân viên bán hàng và nhân viên quản lý(mẫu số 11- LĐTTL).

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06- TSCĐ).

- Chứng từ kế toán liên quan.

➤ **Nội dung chi phí quản lý kinh doanh và tài khoản kế toán sử dụng.**

Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, để tập hợp và kết chuyển các chi phí thực tế phát sinh trong hoạt động bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý doanh nghiệp.

TK642 bao gồm hai TK cấp hai: TK642.1 - Chi phí bán hàng

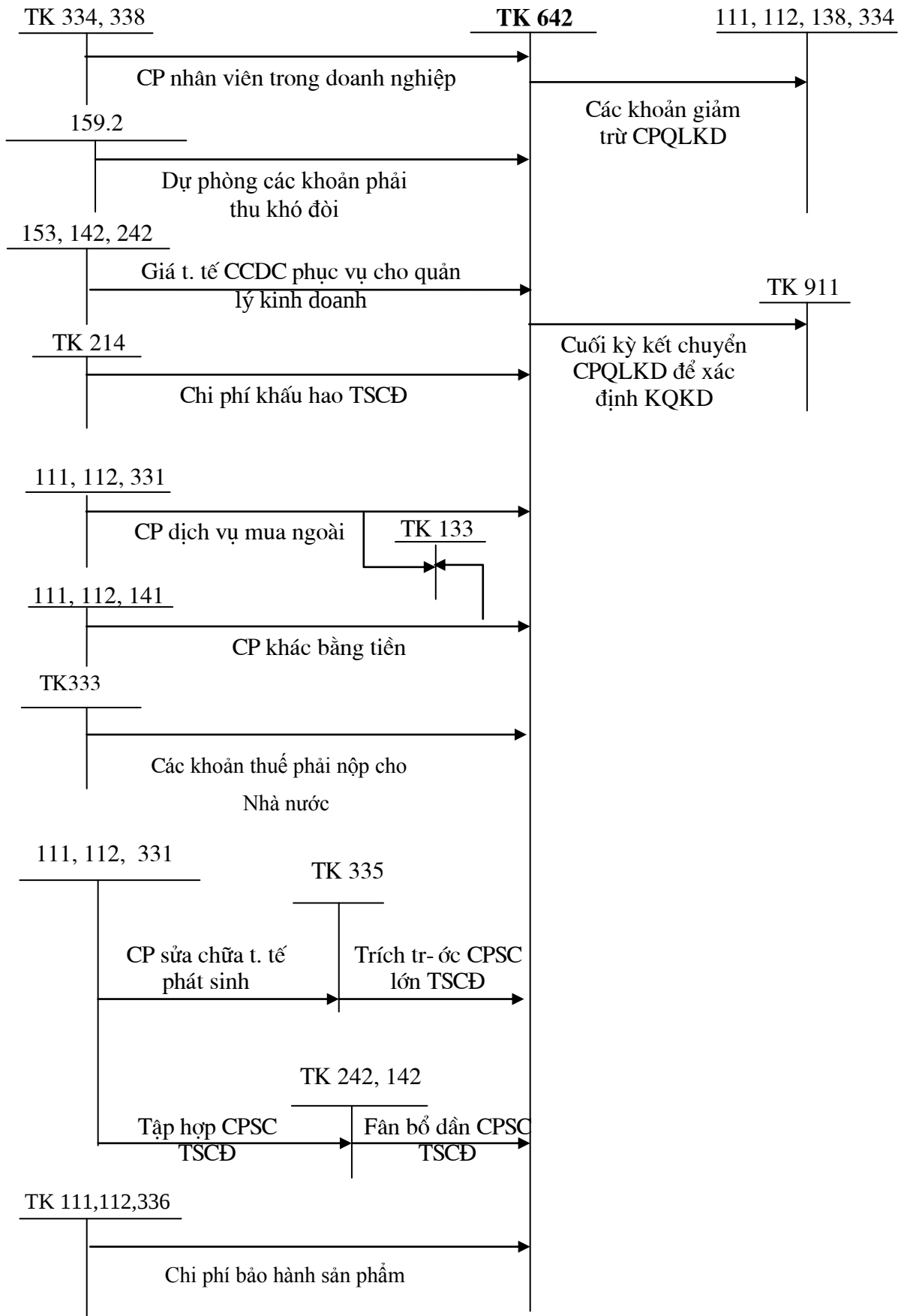
TK642.2 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ	Có
- Tập hợp chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, - Tập hợp các chi phí liên quan đến quản lý doanh nghiệp trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.4.1: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.**1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các hoạt động kinh doanh tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Phiếu thu (mẫu số 01- TT).
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ.
- Các chứng từ có liên quan

- **Tài khoản kế toán sử dụng.**

Đề hạch toán doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng **TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.**

Kết cấu của tài khoản 515

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (Nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

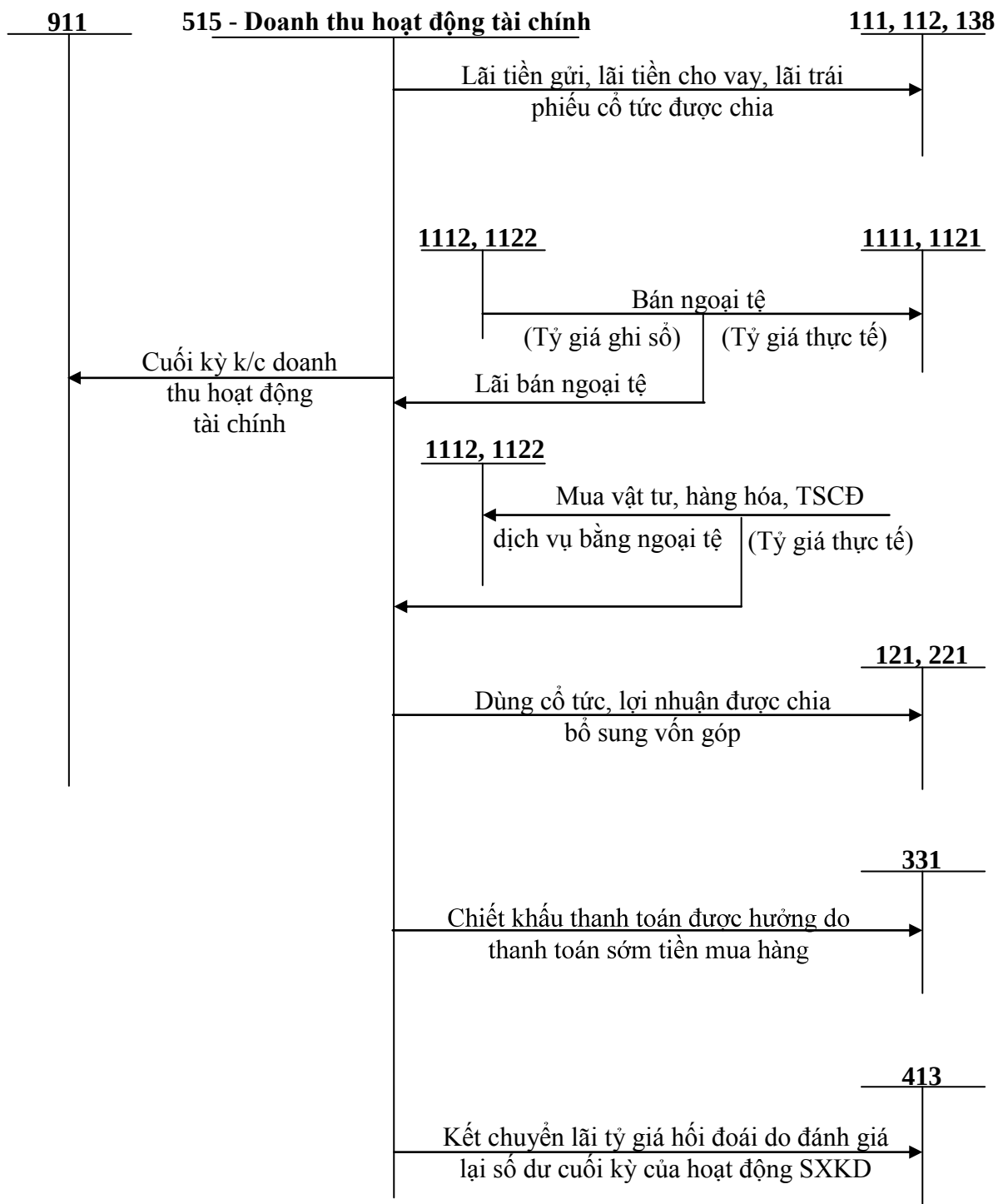
- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

- **Phương pháp hạch toán.**

Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ 1.5.1

Sơ đồ 1.5.1: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau: chi trả lãi tiền đi vay, lỗ từ bán chứng khoán, chênh lệch lỗ tỉ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, tiền lãi từ mua hàng theo hình thức trả góp

- **Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Phiếu chi (mẫu số 02- TT)..
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ.
- Các chứng từ có liên quan

- **Tài khoản kế toán sử dụng.**

Để hạch toán chi phí hoạt động tài chính kế toán sử dụng **TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính.**

Kết cấu của tài khoản 635

Bên nợ:

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí đất chuyển nhượng cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.
- Phản ánh số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

Bên có:

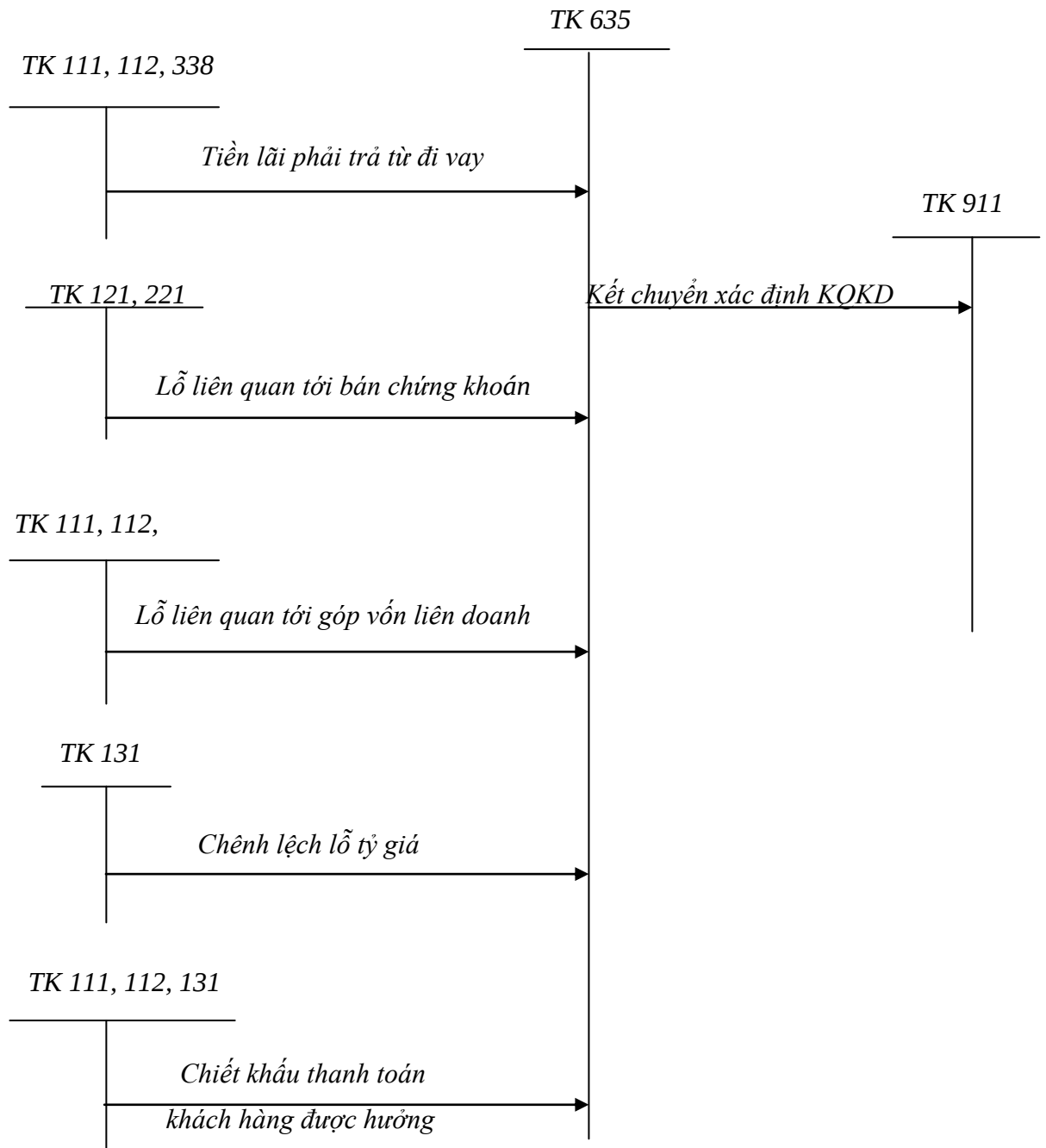
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

- **Phương pháp hạch toán.**

Hạch toán chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ 1.5.2

Sơ đồ 1.5.2: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.**1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số nội dung sau: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, ...

- **Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan

- **Tài khoản kế toán sử dụng.**

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng **TK711 – Thu nhập hoạt động khác.**

Kết cấu của tài khoản 711

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kì kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì sang tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

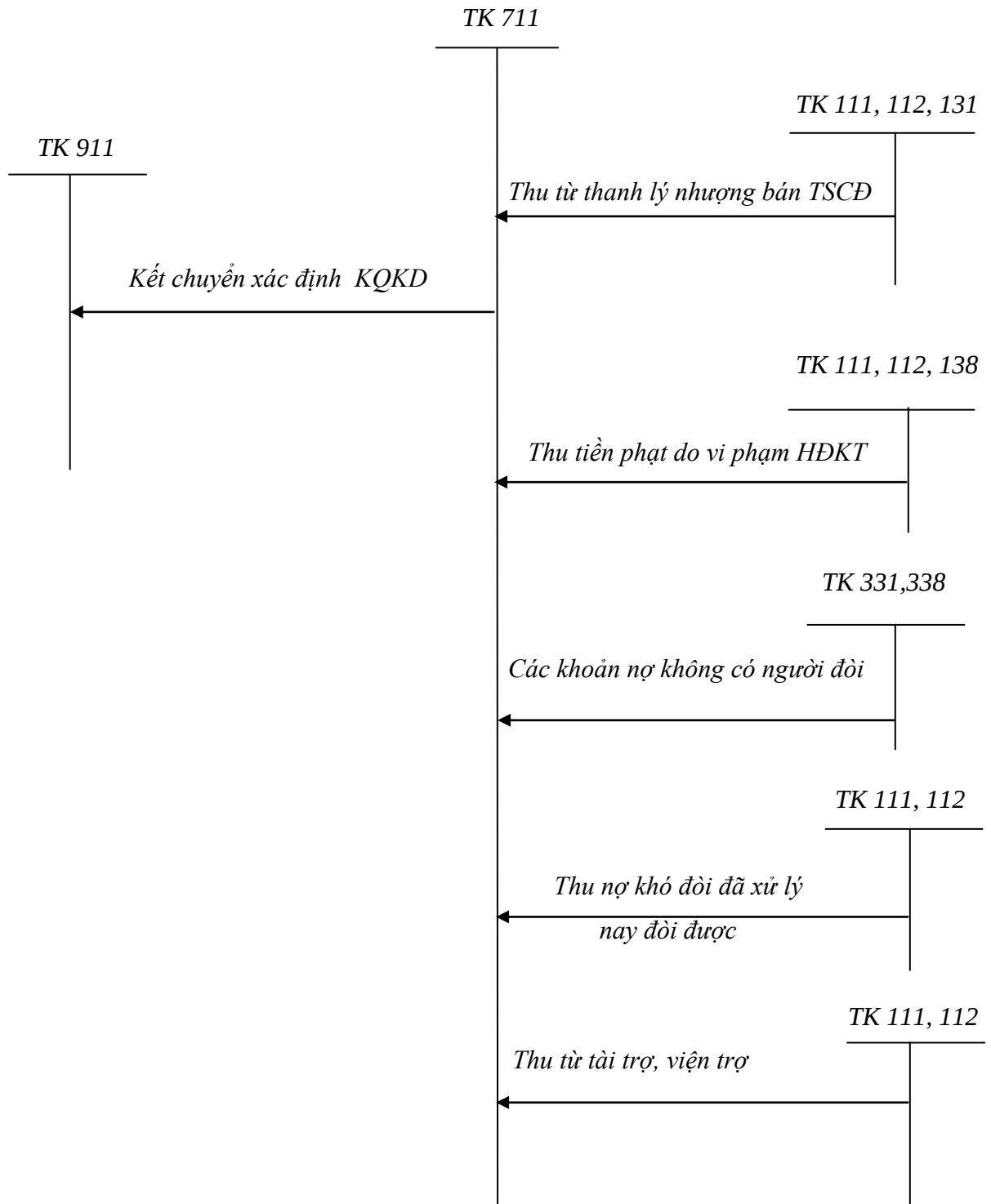
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.

TK 711 không có số dư cuối kì

- **Phương pháp hạch toán.**

Hạch toán thu nhập hoạt động khác được khái quát theo sơ đồ 1.6.1

Sơ đồ 1.6.1: Hạch toán thu nhập hoạt động khác



1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động khác bao gồm một số nội dung: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, ...

- **Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan

- **Tài khoản kế toán sử dụng.**

Để hạch toán chi phí hoạt động tài chính kế toán sử dụng **TK 811 – Chi phí hoạt động khác**. Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản 811

Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kì.

Bên có:

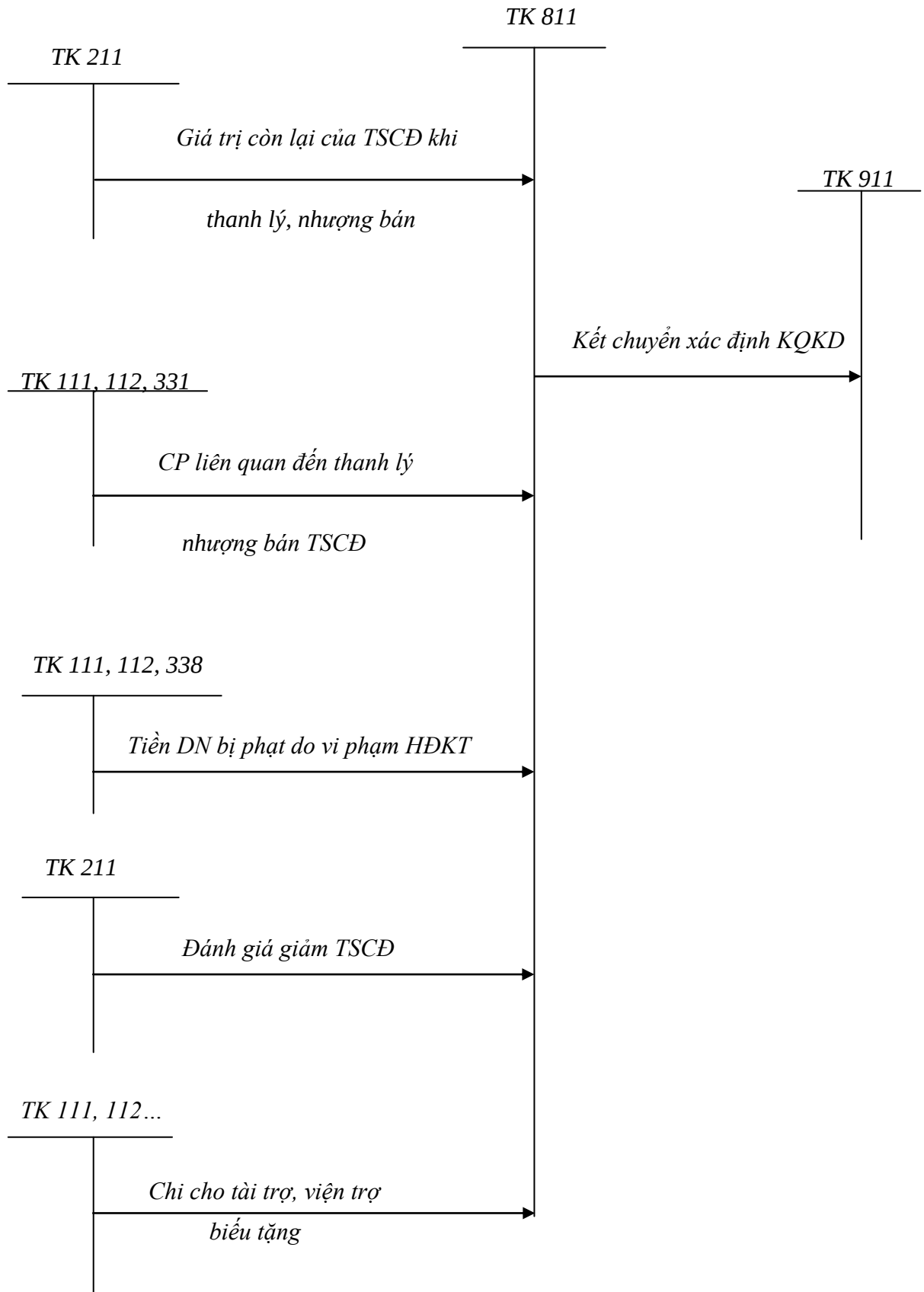
- Cuối kì kế toán kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kì sang tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư cuối kì

- **Phương pháp hạch toán.**

Hạch toán chi phí hoạt động khác được khái quát theo sơ đồ 1.6.2

Sơ đồ 1.6.2: Hạch toán chi phí hoạt động khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Cách xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (lãi, lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả các kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lãi lỗ từ} & & \text{Doanh thu thuần} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí QLKD} \\ \text{hoạt động} & = & \text{về bán hàng và} & - & \text{của hàng} & - & \text{cho hàng tiêu thụ} \\ \text{bán hàng} & & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{bán} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Doanh thu thuần về bán} & = & \text{Tổng DT bán hàng} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & & \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} \quad - \quad \begin{array}{c} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lãi lỗ từ hoạt} & = & \text{Lãi lỗ từ hoạt} & + & \text{Lãi lỗ từ hoạt} & + & \text{Lãi lỗ từ hoạt} \\ \text{động kinh doanh} & & \text{động bán hàng} & & \text{động tài chính} & & \text{động khác} \end{array}$$

- **Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản kế toán sử dụng.**

- **Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết cấu của tài khoản 911

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Nợ	Có
– Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp. – CPBH, CPQLDN. – Chi phí tài chính. – Chi phí khác. – Số lợi nhuận trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.	– Doanh thu thuần của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. – Doanh thu thuần của hoạt động tài chính. – Thu nhập khác. – Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

. Tài khoản này không có số dư cuối

➤ Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. *Kết cấu của tài khoản 421*

TK 421- Lãi chưa phân phối

- Số lỗ của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Phân phối lợi nhuận kinh doanh.	- Số lợi nhuận trước thuế về hoạt động kinh doanh trong kỳ. - Xử lý các khoản lỗ về HĐKD Số dư: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
---	--

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc dư Có

Số dư bên Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: số lợi nhuận chưa phân phối.

➤ Tài khoản 821 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu của tài khoản 821

Bên nợ:

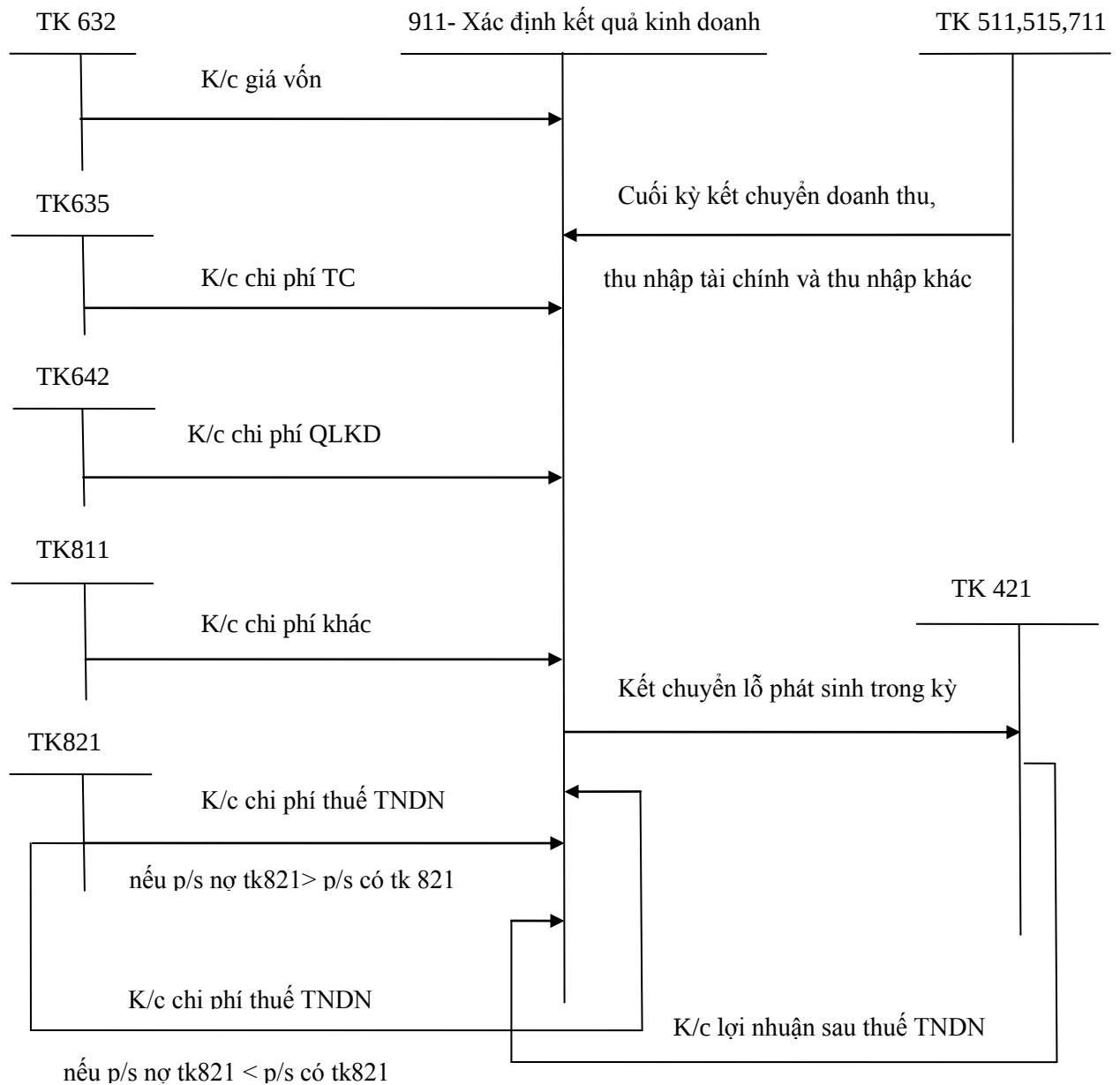
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm khác phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK8212 - “ chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên nợ TK8212 - “ chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên có TK911- xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh bên có TK8212 “ chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên nợ TK911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

• **Phương pháp hạch toán.**



Sơ đồ 1.6 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC được áp dụng các hình thức kế toán sau:

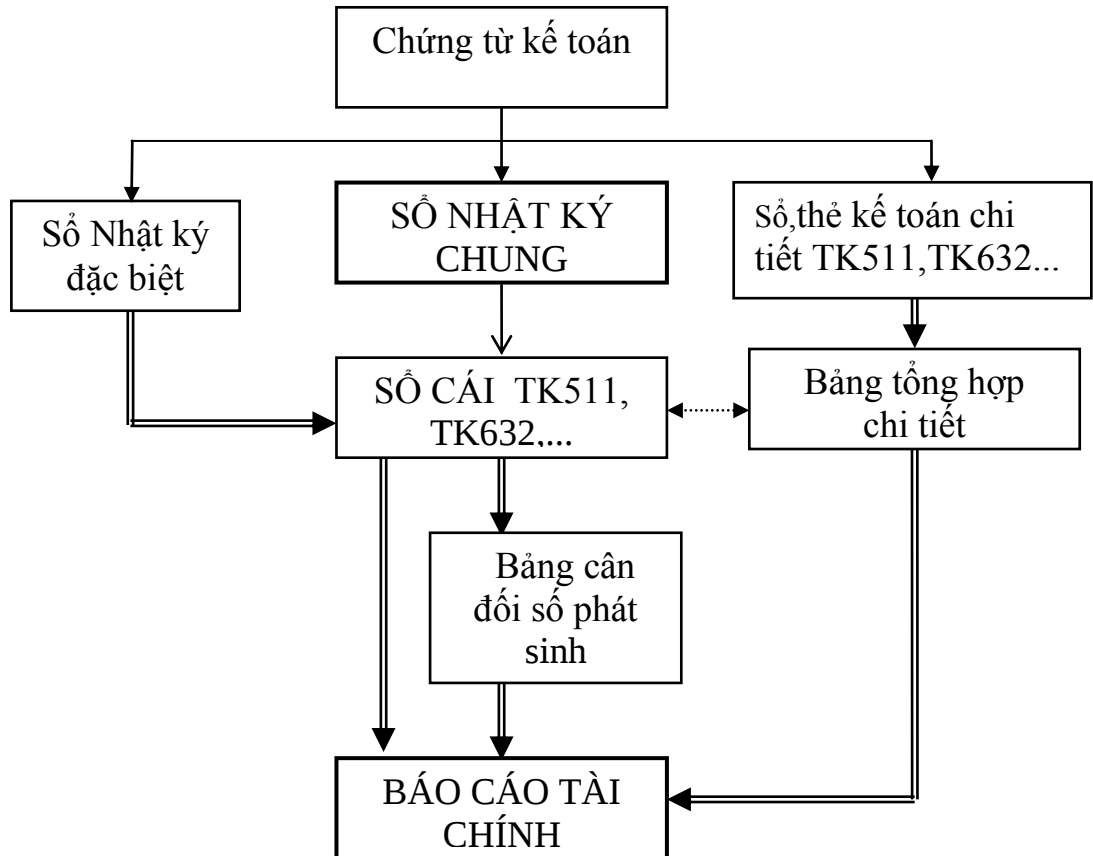
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán máy
- Hình thức Chứng từ ghi sổ

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- ❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:
 - Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
 - Sổ Cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ 1.3.1**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

Sơ đồ 1.3.1 – Hình thức kế toán nhật ký chung

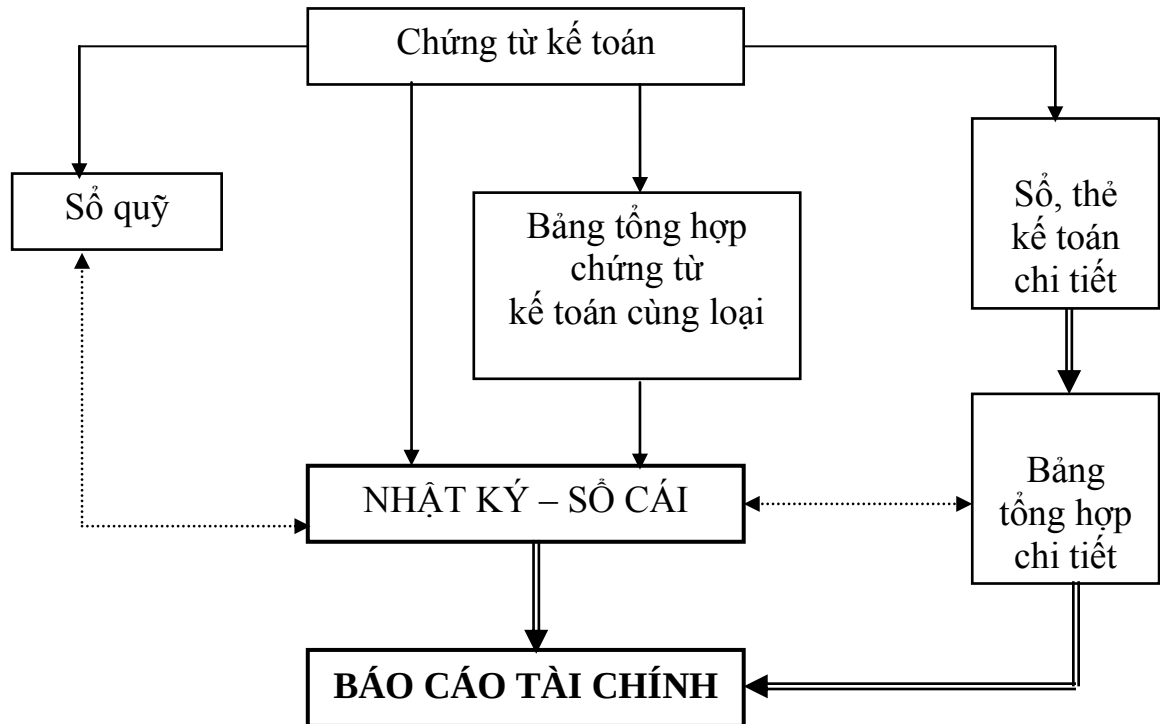
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**Đặc trưng cơ bản:**

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✚ Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ 1.3.2



Sơ đồ 1.3.2 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày	————→
Ghi định kỳ	====→
Đối chiếu, kiểm tra	←.....→

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

✚ Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

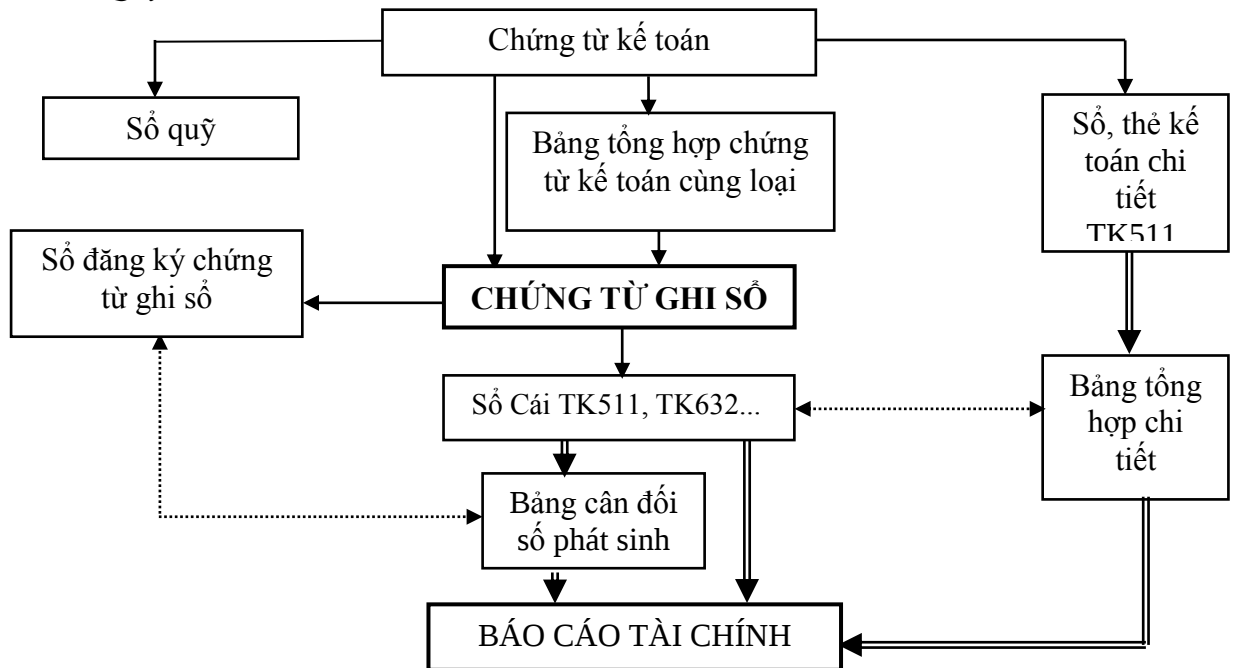
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

✚ Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Chứng từ ghi sổ;

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán sơ đồ 1.3.3



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

Sơ đồ 1.3.3 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản:

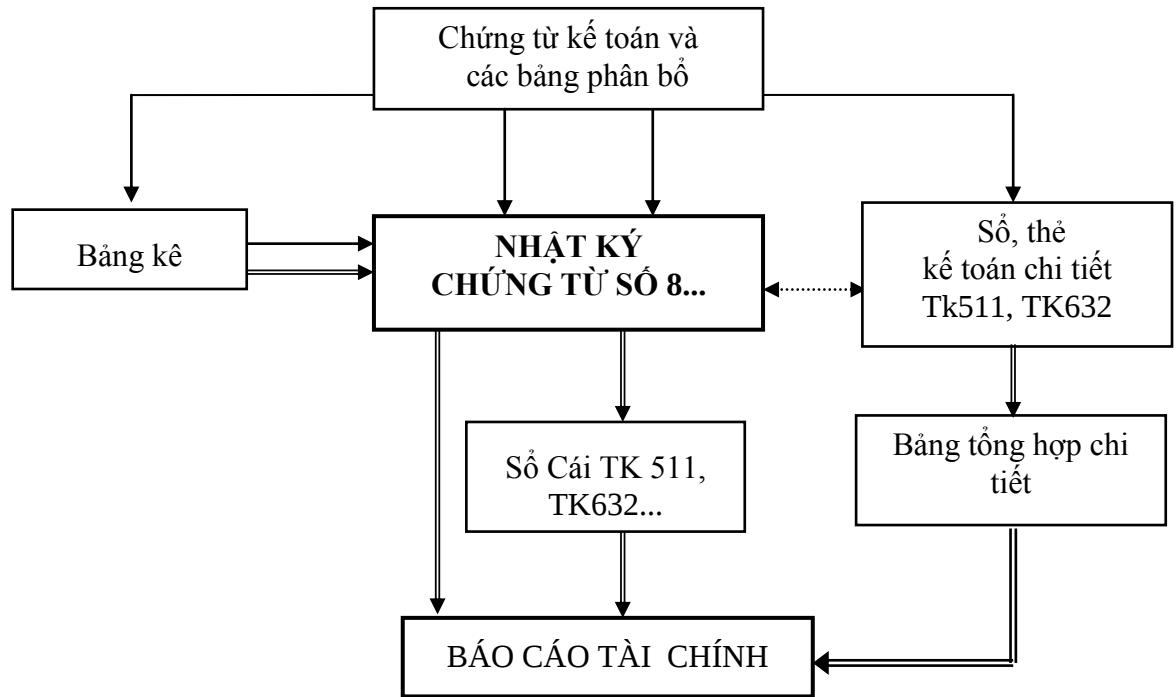
- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý

kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

✚ Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký chứng từ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Bảng kê;

Sơ đồ 1.3.4 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi định kỳ $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

✚ Đặc trưng cơ bản:

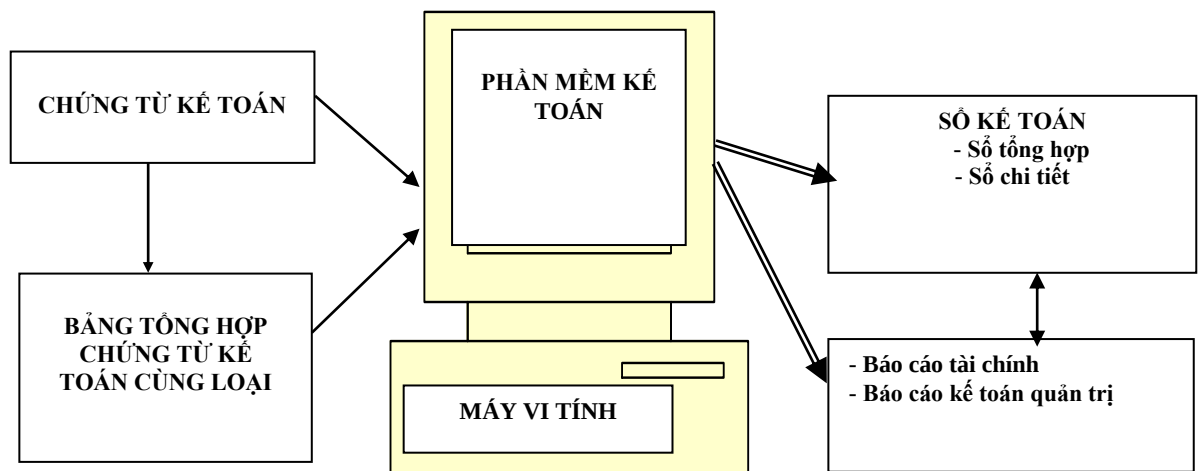
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được

đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

 Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.13:



Sơ đồ 1.3.5 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày	→
In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình

Tên giao dịch tiếng anh: SON BINH SERVICE AND TRADING JOINT STOCK
COMPANY

Logo công ty:



Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại và dịch vụ

Địa chỉ trụ sở : 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - quận Lê Chân - TP Hải Phòng

Điện thoại : 0316.532.969

Fax : 0313.637.858

Email : sonbinhjsc@gmail.com

Mã số thuế : 0200249607

Số đăng ký Kinh Doanh : 0200249607

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch Vụ Sơn Bình thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200249607 vào tháng 2 năm 2002 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với số vốn điều lệ ba tỷ đồng. Trụ sở số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình được thành lập bởi nhóm các kỹ sư, cử nhân trẻ năng động, các thành viên cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chia lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng. Công ty được Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh. Mọi hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, công ty có quyền kinh doanh và chủ động trong

mọi hoạt động kinh doanh, được quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền thừa kế về vốn, tài sản và các quyền lợi hợp pháp khác. Các quyền lợi hợp pháp của công ty được pháp luật bảo vệ.

2.1.2 Cơ cấu sản xuất kinh doanh

Hiện nay công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình là một trong những công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm thiết bị văn phòng phẩm, công ty đã duy trì được tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao và vững chắc, đã đạt được niềm tin với người tiêu dùng, đạt được một thị phần tương đối lớn tại Hải Phòng.

Cũng đúng như tên gọi là một công ty thương mại và dịch vụ nên thực chất công ty là một doanh nghiệp thương mại và là nhà phân phối, đại lý chính thức của các hãng nổi tiếng kinh doanh các mặt hàng điện tử như: máy tính, laptop, máy in, máy fax, máy Scander, ...

➤ Chức năng hoạt động.

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình là công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết bị văn phòng với chức năng chính là: phân phối và bán lẻ đến người tiêu dùng các sản phẩm, thiết bị văn phòng phẩm, thiết bị điện tử tin học với các chính sách tốt nhất, giá thành hợp lý nhất.

➤ Nhiệm vụ

Để thực hiện được các chức năng đã đề ra trước mắt công ty đã đặt ra cho mình những nhiệm vụ chủ yếu là :

- + Công ty có nhiệm vụ sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đúng chế độ hiện hành.

- + Tuân thủ hợp đồng kinh tế đã ký, đảm bảo chữ tín đối với khách hàng.

- + Nắm bắt khả năng kinh doanh, nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, thị trường để tổ chức kinh doanh hợp lý.

- + Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ nộp ngân sách nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

➤ Phương hướng hoạt động.

Với nỗ lực và quyết tâm cao trong việc hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình đã xác định cho mình phương hướng hoạt động chính đó là: Từng bước phát triển, chiếm lĩnh thị trường

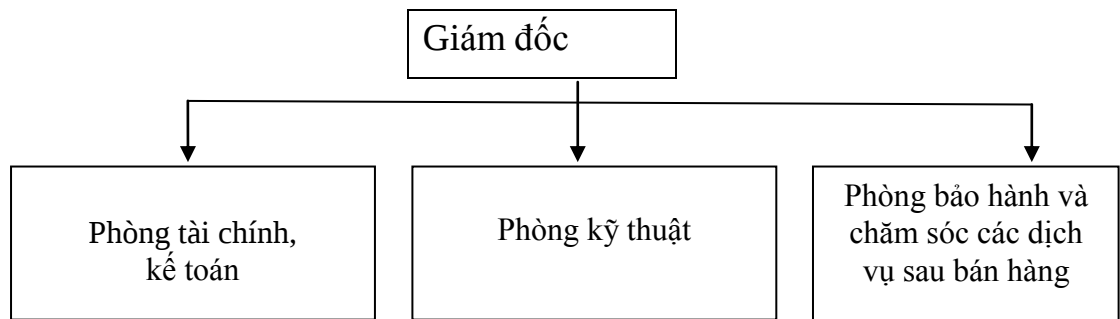
trong nước. Đưa thị trường tin học trong nước trở thành một thị trường tin học phát triển cao trong khu vực và từng bước hoà nhập với thế giới.

2.1.3 Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp, tạo nên sự thống nhất, nhịp nhàng giữa các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp. Ngoài ra còn đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quá trình sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hình thức tổ chức bộ máy của công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình theo mô hình: Giám đốc trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty thông qua các phòng ban chức năng. Cụ thể mô hình bộ máy tổ chức quản lý của công ty như sau:

Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty



✳ **Giám đốc** : Là người đứng đầu bộ máy quản lý chịu trách nhiệm cao nhất về mọi mặt tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty. Đại diện cho quyền lợi công ty trước pháp luật và nhà nước. Giám đốc trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các trưởng phòng ban.

✳ **Phòng tài chính kế toán:**

+ Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phản ánh và phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, tình hình sử dụng vốn.

+ Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và

kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

+ Với mô hình tổ chức bộ máy quản lý như trên ngoài sự điều hành của giám đốc và phó giám đốc, công ty còn nhận được sự tham mưu, quản lý và giám sát của các phòng nghiệp vụ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả kinh tế cao.

✱ Phòng kỹ thuật

Chịu trách nhiệm về mảng sửa chữa các máy móc thiết bị khi khách hàng có nhu cầu

✱ Phòng bảo hành và các dịch vụ sau bán hàng

Có trách nhiệm bảo hành cho các sản phẩm hàng hóa khi đã tiêu thụ. Và có trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị sau bán hàng khi khách hàng có nhu cầu

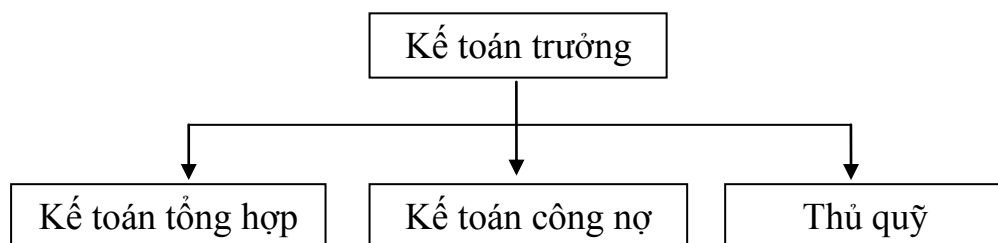
2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Sơn Bình

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và các yêu cầu về thông tin kế toán, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình, tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Quan hệ với cấp trên qua hệ thống chỉ đạo và chế độ báo cáo kế toán quy định trong nội bộ.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty được khái quát qua sơ đồ

Sơ đồ 1.2. Bộ máy kế toán tại Công ty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình



Theo mô hình trên, chức năng, nhiệm vụ của từng người cụ thể như sau :

✱ Kế toán trưởng của công ty :

- Là tham mưu cho bộ máy lãnh đạo quản lý và điều hành công ty về quản lý tài chính kế toán, trực tiếp tổ chức công tác ghi chép theo dõi phản ánh mặt quản lý tài chính kế toán của công ty.

- Thực hiện tốt chức năng tham mưu trong công tác kế toán tài chính.

- Hướng dẫn kiểm tra đơn đốc, xây dựng hệ thống ghi chép, thống kê kế toán của công ty và tổ chức sản xuất trở lên đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời, thường xuyên tổng hợp báo cáo lên giám đốc theo quy định.

- Làm đầy đủ và có chất lượng cao các báo cáo quyết toán tài chính năm, chuẩn bị tài liệu cho phân tích kinh tế, hoàn thành các nội dung và yêu cầu khác theo điều lệ và theo luật định.

- Kế toán trưởng có quyền phân công, chỉ đạo các nhân viên kế toán, thống kê làm việc tại công ty. Có quyền yêu cầu các cán bộ khác trong công ty cung cấp các tài liệu cần thiết cho công tác kế toán và kiểm tra các loại báo cáo kế toán cũng như các hợp đồng phải có chữ ký của kế toán trưởng.

✿ **Kế toán công nợ :** Chịu trách nhiệm ghi chép, theo dõi và quyết toán các dự án đầu tư của công ty, đối chiếu thanh toán công nợ với các khách hàng bên ngoài và công nợ nội bộ.

✿ **Thủ quỹ :** Chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt tại quỹ. Hàng ngày kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ để chuyển cho kế toán tiền mặt ghi sổ.

2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Do đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh cũng như quy mô sản xuất Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình tổ chức ghi sổ theo hình thức sổ Nhật ký chung để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, phản ánh quá trình sản xuất kinh doanh. Đây là hình thức ghi sổ kế toán đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

✚ Đặc trưng cơ bản được áp dụng tại công ty :

*Công tác kế toán tại Công ty không áp dụng phần mềm kế toán mà thực hiện phần lớn trên máy vi tính các thao tác hạch toán trên bảng tính Excel và Word, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng cục thuế Việt Nam. Để thuận lợi cho việc hạch toán Công ty áp dụng hình thức kế toán là **Nhật Ký Chung**.*

➤ Các chính sách đang được áp dụng tại công ty

• Chế độ kế toán

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

• Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: Việt Nam đồng

- **Niên độ kế toán**

Được xác định vào năm dương lịch, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hằng năm.

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định**

Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: Theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ
 Phương pháp tính khấu hao áp dụng: Theo nguyên tắc đường thẳng

- **Phương pháp kế toán hàng tồn kho**

Phương pháp tính giá trị hàng hóa xuất kho: Bình quân liên hoàn

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp hạch toán chi tiết: Phương pháp thẻ song song

Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3 Hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán

➤ **Hệ thống tài khoản:** Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Các tài khoản công ty sử dụng bao gồm:

- Tài khoản loại 1: TK111, TK 112, TK131, TK133, TK153, TK156
- Tài khoản loại 2: TK211, TK214
- Tài khoản loại 3: TK311, TK331, TK333, TK334, TK335, TK338
- Tài khoản loại 4: TK411, TK421.....
- Tài khoản loại 5: TK511, TK515
- Tài khoản loại 8: TK821
- Tài khoản loại 9: TK911

➤ **Hệ thống chứng từ kế toán**

Hệ thống chứng từ kế toán của Công ty bao gồm các mẫu bắt buộc và mẫu hướng dẫn bao gồm:

- | | |
|-----------------------------------|---------------|
| - Hóa đơn GTGT | Mẫu bắt buộc |
| - Phiếu thu | Mẫu bắt buộc |
| - Phiếu chi | Mẫu bắt buộc |
| - Bảng chấm công | Mẫu hướng dẫn |
| - Bảng thanh toán tiền lương | Mẫu hướng dẫn |
| - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH | Mẫu hướng dẫn |

.....

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp:

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện nay công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

- Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh căn cứ vào chứng từ hợp pháp hợp lệ, lập định khoản kế toán ghi sổ vào sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian, rồi từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản đồng thời được ghi vào sổ kế toán chi tiết.

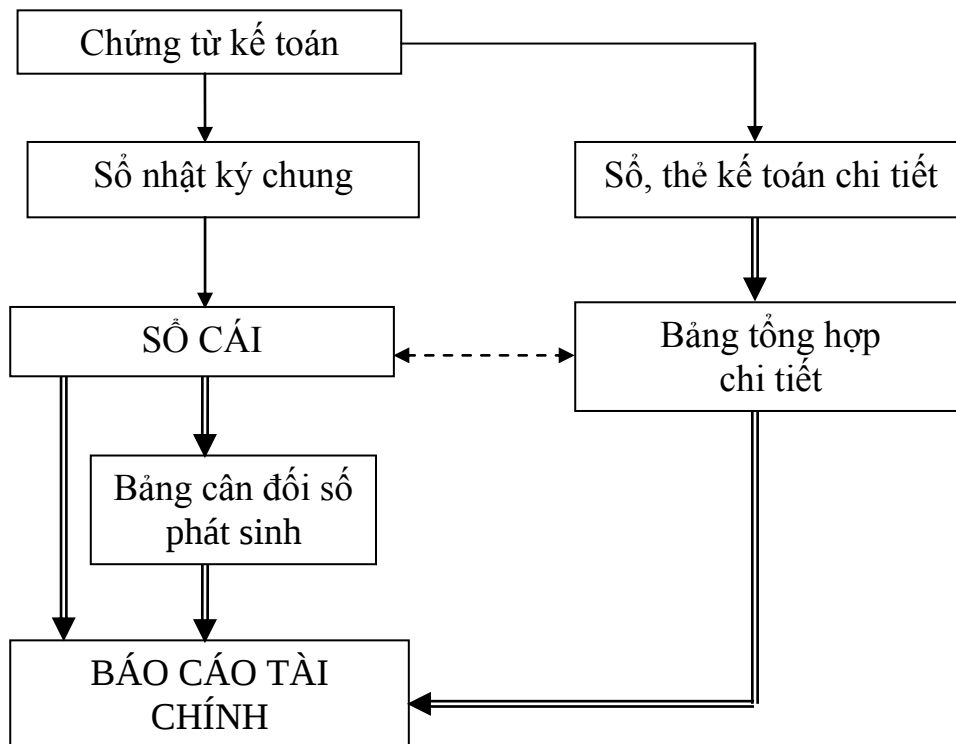
- Cuối kỳ lập bảng báo cáo tổng hợp số liệu chi tiết từ các sổ kế toán chi tiết
- + Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

+ Sau khi kiểm tra rồi đối chiếu với số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp sau đó lập báo cáo tài chính.

TRÌNH TỰ SỔ KẾ TOÁN

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty thể hiện qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm

- ***Đặc điểm sản phẩm.***

Công ty là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị văn phòng và các thiết bị điện tử, nên sản phẩm chủ yếu mà công ty chú trọng hướng tới phục vụ khách hàng là kinh doanh các dòng sản phẩm như máy tính, máy in, máy fax, máy chiếu, máy poto, máy Scanner...các thương hiệu nổi tiếng thế giới. Cụ thể như sau:

- Máy tính được tiêu thụ mạnh với các thương hiệu DELL, SONY, VAIO, HP, SAMSUNG, LENOVO....

- Máy in là một trong những dòng sản phẩm bán chạy nhất và mang lại nhiều lợi nhuận nhất cho công ty, gồm máy in laser và máy in phun: CANON 2900, CANON 3000, CANON 3200, SAMSUNG 4521F, SAMSUNG 2010, SAMSUNG 1640, HP 1200, HP 1300, HP 1018, CANON in màu 3680, 4760....

- Máy poto là dòng sản phẩm không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp: IR2106J, NP7130, FK231...

- Các dòng sản phẩm máy scanner lide 20, 25, 30..., máy fax L220, B820, KXFT 933, 512, 903...

2.2.1.2 Phương thức bán hàng.

Do sự đa dạng của nền kinh tế thị trường, quá trình tiêu thụ hàng hóa ở Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình cũng rất đa dạng. Nó tùy thuộc vào hình thái thực hiện giá trị hàng hóa cũng như đặc điểm vận động của hàng hoá. Hiện nay, để đáp ứng từng loại khách hàng với những hình thức mua khác nhau, doanh nghiệp áp dụng 2 hình thức bán hàng chính là :

- Bán buôn
- Bán lẻ.

Bán buôn: Với hình thức bán này việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các tổ chức bán buôn với doanh nghiệp chính vì vậy

đối tượng của bán buôn rất đa dạng: có thể là doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại trong nước, các công ty thương mại, trường học ...

Phương thức bán hàng này chủ yếu là thanh toán bằng chuyển khoản. Khi bên mua nhận được chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

Đối với hình thức bán buôn ở công ty chủ yếu là hình thức bán buôn qua kho.

Bán lẻ: Theo hình thức này khách hàng đến mua hàng tại cửa hàng với giá cả do cửa hàng đã niêm yết trên mỗi sản phẩm. Với hình thức này nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách hàng và thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt. Thời điểm xác định là tiêu thụ là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

2.2.1.3 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT, Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên :

- Liên 1: Lưu tại quyền

- Liên 2: Giao cho khách hàng.

- Liên 3: Dùng cho kế toán hạch toán

Trên hoá đơn ghi đầy đủ mã số thuế, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, thanh toán ngay hay công nợ, hình thức thanh toán và đầy đủ chữ ký.

Khi khách hàng mua hàng của công ty thì nhân viên bán hàng sẽ viết hóa đơn GTGT cho người mua. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần. Liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh giao cho kế toán để hạch toán.

- Hợp đồng mua hàng
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,.....
- Và các chứng từ khác liên quan

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Do công ty kinh doanh nhiều loại mặt hàng khác nhau nên TK 511 được mở riêng cho từng mặt hàng để tiện cho việc theo dõi và quản lý như:

TK 51111: Máy tính

TK 51112: Máy in

TK 51113: Máy Fax

TK 51114: Máy Scander

.....

Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:

TK 511111: Máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359

TK 511112: Máy tính đồng bộ HP dòng HPKL360.....

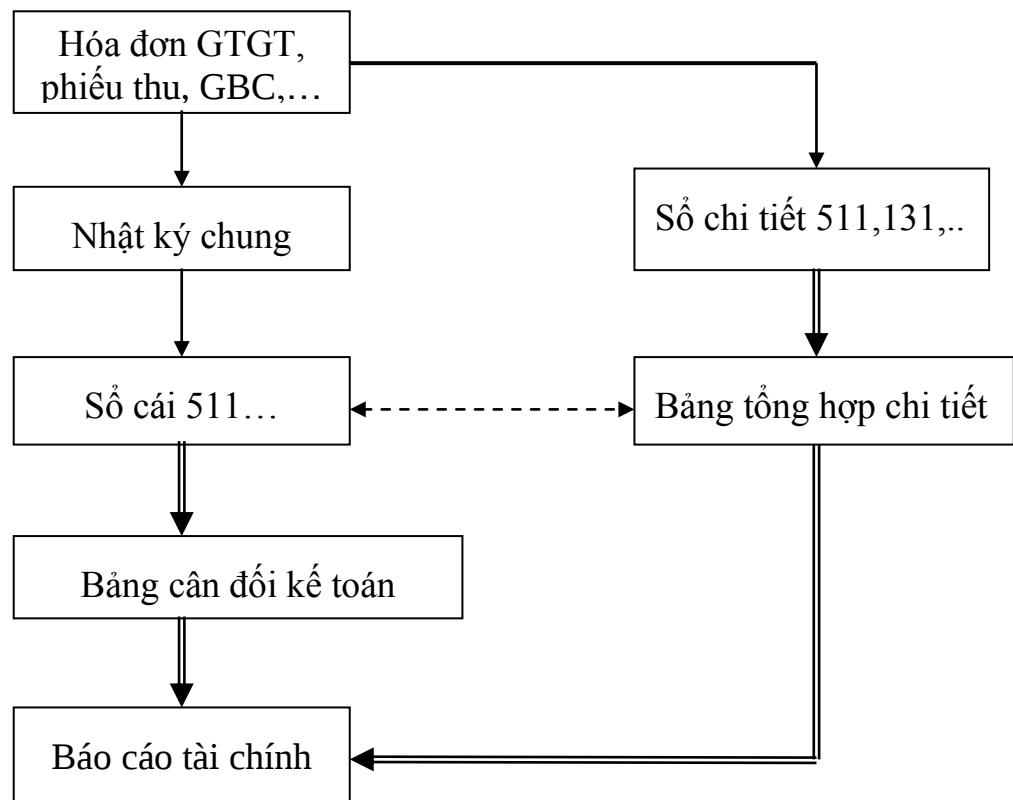
- TK 111: tiền mặt
- TK 112: tiền gửi ngân hàng
- TK 131: phải thu khách hàng,

• **Hệ thống sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết TK131,..
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp doanh thu
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản: TK 131, TK511,...

• **Trình tự luân chuyển chứng từ:**

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:



Ghi chú:

→	Ghi hàng ngày
==→	Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
←.....→	Kiểm tra, đối chiếu

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 111, 131, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK511, 131.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ

Ngày 18/10/2012 Công ty TNHH khí công nghiệp VN mua 04 bộ máy tính đồng bộ HP chưa thanh toán, số tiền là 17.096.530 VNĐ / 1 bộ (bao gồm thuế GTGT 10%). Tổng giá thanh toán là 68.386.120đ

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000852 (biểu số 2.1.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK131: 68.386.120

Có TK511: 62.169.200

Có TK3331 6.216.920

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.1.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK511(biểu số 2.1.3), TK131(biểu số 2.1.4).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511(biểu số 2.1.5), TK131, TK333

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK511 lập bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng (biểu số 2.1.6), bảng tổng hợp doanh thu hàng bán ra (biểu số 2.1.7), sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 2.1.8).

+ Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: (Nội bộ) Ngày 18 tháng 10 năm 2012	Mẫu số: 01 GTKT3/001 Kí hiệu: AA/12P Số: 0000852																		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình Địa chỉ: Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0316.502.969 MST: <table border="1" style="display: inline-table; margin-left: 10px;"> <tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>9</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; margin-left: 10px;"> <tr><td>6</td><td>0</td><td>7</td></tr> </table>		0	2	0	0	2	4	9	6	0	7								
0	2	0	0	2	4	9													
6	0	7																	
Họ tên người mua hàng: Lê Đức Nhã Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí công nghiệp Việt Nam Địa chỉ: Số 1P Minh Khai , Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: MS: <table border="1" style="display: inline-table; margin-left: 10px;"> <tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>6</td><td>8</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; margin-left: 10px;"> <tr><td>1</td><td>3</td><td>4</td></tr> </table>		0	2	0	0	7	6	8	1	3	4								
0	2	0	0	7	6	8													
1	3	4																	
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 25%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">Máy tính HP đồng bộ Dòng HPLP359</td> <td style="text-align: center;">Bộ</td> <td style="text-align: center;">04</td> <td style="text-align: right;">15.542.300</td> <td style="text-align: right;">62.169.200</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 30px;"> </td> </tr> </tbody> </table>		STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Máy tính HP đồng bộ Dòng HPLP359	Bộ	04	15.542.300	62.169.200						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	Máy tính HP đồng bộ Dòng HPLP359	Bộ	04	15.542.300	62.169.200														
Cộng tiền hàng: 62.169.200																			
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 6.216.920																			
Tổng cộng tiền thanh toán: 68.386.120																			
Số tiền viết bằng chữ: Sáu tám triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn một trăm hai mươi đồng																			
<table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;">Người mua hàng</td> <td style="width: 33%;">Người bán hàng</td> <td style="width: 33%;">Thủ trưởng đơn vị</td> </tr> <tr> <td>(Kí, ghi rõ họ tên)</td> <td>(Kí, ghi rõ họ tên)</td> <td>(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)</td> </tr> </table>		Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị	(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)												
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị																	
(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)																	

Biểu 2.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TM VÀ DV SƠN BÌNH

Mẫu số S03a-DNN

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			63.429.865.240	63.429.865.240
							
01/10/2012	PT 7.10	01/10/2012	Khách hàng thanh toán tiền hàng tháng trước	111		10.000.000	
					131		10.000.000
							
07/10/2012	PC 19.10	07/10/2012	Thanh toán tiền mua điện thoại cho cty Tân Đại Thành	642		18.000.000	
				1331		1.800.000	
					111		19.800.000
							
18/10/2012	PX 35/10 HĐ.GTGT 0000852	18/10/2012	Công ty Khí công nghiệp VN mua 04 bộ máy vi tính HP đồng bộ,dòng HPLP359 chưa thanh toán	632		57.240.324	
					156		57.240.324
				131		68.386.120	
					511		62.169.200
					3331		6.216.920
18/10/2012	PC25.10	18/10/2012	Chi tạm ứng đi công tác	141		2.000.000	
					111		2.000.000
							
12/12/2012	PT 24.12	12/12/2012	Rút tiền gửi Ngân Hàng về nhập quỹ	1111		30.000.000	
					1121		30.000.000
							
			Cộng phát sinh			84.573.153.650	84.573.153.650

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.2.

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP

Mẫu số S35 – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511 – 511111

Tên sản phẩm: Máy tính đồng bộ Hp dòng HPLP359

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
						Nợ	Có		
.....									
HĐ0000824	01/10	Bán cho cty CMax	112	02	15.542.300		31.084.600		
HĐ0000831	04/10	Bán cho cty Lưu Đức Phát	111	01	15.542.300		15.542.300		
HĐ0000845	10/10	Bán cho cửa hàng Tuấn Việt	111	01	15.542.300		15.542.300		
HĐ0000850	16/10	Bán cho anh Hạnh	111	01	15.542.300		15.542.300		
HĐ0000852	18/10	Bán cho Cty Khí công nghiệp Việt Nam	131	04	15.542.300		62.169.200		
.....									
		Cộng				849.067.800	849.067.800		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.3

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S13-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Tài khoản: 131

Đối tượng: *Công ty TNHH Khí công nghiệp Việt Nam*

ĐVT: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				168.745.630	-
			<u>Số phát sinh trong kỳ</u>					
								
03/10	HĐ0000825	03/10	Cty TNHH khí công nghiệp VN mua máy in màu Canon 2900	5111	10.218.182		178.963.812	
				3331	1.021.818		179.985.630	
.....								
07/10	GBC12/NN	07/10	Cty TNHH Khí công nghiệp VN trả tiền	112		50.000.000	115.734.622	
12/10	HĐ0000847	12/10	Cty TNHH Khí công nghiệp VN mua 02 model ADSL Tplink 8817	5111	653.630		116.388.252	
				3331	65.363		116.453.615	
18/10	HĐ0000852	18/10	Cty TNHH Khí công nghiệp VN mua 04 bộ máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359	5111	62.169.200		178.622.815	
				3331	6.216.920		184.839.735	
19/10	PT 26/10	19/10	Công ty TNHH Khí công nghiệp VN trả tiền	111		25.000.000	159.839.735	
.....								
			<u>Cộng số phát sinh</u>		453.445.679	350.000.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				272.191.309	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1.4

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Mẫu số S03b – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu TK: 511
Năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
						
01/10/ 2012	HD 822 PT 6.10	01/10 /2012	Bán máy fax L220 cho công ty CMax, thanh toán bằng TM	111		5.245.656
						
06/10/ 2012	HD 838	06/10 /2012	Bán máy scanner lide 20 cho công ty cổ phần nhựa Châu Âu, chưa thanh toán	131		3.649.716
						
18/10/ 2012	HD 852	18/10 /2012	Bán 04 bộ máy tính đồng bộ HP, dòng HPLP359 cho công ty Khí công nghiệp VN, chưa thanh toán	131		62.169.200
19/10/ 2012	HD 853 PT 32.10	19/10 /2012	Bán ổ đĩa Samsung cho công ty Lưu Đức Phát	111		1.885.682
						
21/11/ 2012	HD 976 PT 40.10	21/11 /2012	Bán máy Fax KF112 cho gia đình a. Tuấn	111		2.350.000
						
31/12/ 2012	PKT 15	31/12 /2012	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2012	911	12.105.745.000	
			Cộng số phát sinh		12.105.745.000	12.105.745.000
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.5

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
THEO TỪNG MẶT HÀNG
Máy tính đồng bộ - TK51111
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	511111	Máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359	849.067.800	849.067.800	
2	511112	Máy tính đồng bộ HP dòng HPKL360	532.235.677	532.235.677	
3	511113	Máy tính đồng bộ Sony dòng SNAA140	425.421.489	425.421.489	
4	511114	Máy tính đồng bộ Sony dòng SNKF142	634.224.562	634.224.562	
....					
		Cộng	2.807.298.632	2.807.298.632	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.1.6

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG TOÀN CÔNG TY

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51111	Máy tính đồng bộ	2.807.298.632	2.807.298.632	
2	51112	Máy tính laptop	2.534.889.467	2.534.889.467	
3	51113	Máy in thường	1.158.216.743	1.158.216.743	
4	51114	Máy in màu	1.902.454.753	1.902.545.753	
5	51115	Máy Fax	1.084.698.750	1.084.698.750	
6	51116	Máy scanner	960.573.221	960.573.221	
....					
		Cộng	12.105.745.000	12.105.745.000	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.7

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

SỔ TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty cổ phần Nhiệt điện HP			376.942.537	299.800.000	77.142.537	
2	Công ty TNHH Thương mại & ứng dụng công nghệ E.C.S	86.977.688		1.391.867.320	1.289.000.000	189.845.008	
3	Công ty TNHH Khí công nghiệp Việt Nam	168.745.630		453.445.679	350.000.000	272.191.309	
4	Công ty cổ phần nhựa Châu Âu	202.521.532		893.496.237	875.000.000	221.017.769	
5	Công ty cổ phần thiết bị VPP Tiến Mạnh	246.019.188		2.015.116.984	1.850.000.000	411.136.172	
...			...				
	Cộng	1.363.888.221		9.505.556.675	8.753.535.167	2.115.910.729	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1.8

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả.

Hàng hoá của công ty được nhập từ hai nguồn khác nhau đó là nguồn hàng nhập khẩu và hàng mua trong nước. Hàng nhập khẩu của Công ty cũng chỉ được nhập từ các nước trong khu vực như: Thái Lan, Singapore, Hong Kong...

Tuy nhiên hiện nay công ty đang ngừng khai thác nguồn hàng nhập khẩu bởi vì một phần do nguồn hàng trong nước đã đủ để đáp ứng nhu cầu nhập hàng của công ty, nhưng điều quan trọng là do việc nhập khẩu cả lô hàng dự trữ trong kho rồi bán dần sẽ không mang lại hiệu quả cao cho Công ty. Như hiện nay nguồn hàng chính của Công ty là nguồn hàng trong nước thông qua việc mua lại hàng hoá của doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này.

Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó nếu không phản ánh đúng giá trị vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

$$\text{ĐG xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Trong quá trình mua hàng của doanh nghiệp không bao gồm chi phí thu mua hàng hóa, tất cả các hàng hóa doanh nghiệp mua về đều được người bán vận chuyển đến tận kho của công ty.

2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty.

• Quy định về ghi nhận giá vốn:

- Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm bán trong kỳ.
- Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc: khi phát sinh một khoản doanh thu bán thành phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của hàng hóa đó.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- **Tài khoản sử dụng.**

TK 156: hàng hóa

TK 632: giá vốn hàng bán

Vì doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng nên để tiện cho việc theo dõi và quản lý, kế toán mở cho mỗi một mặt hàng một tài khoản riêng. Ví dụ

TK 15611 – Máy tính đồng bộ	tương ứng	TK 63211
TK 15612 - Máy tính laptop	tương ứng	TK 63212
TK 15613 – Máy in màu	tương ứng	TK 63213

.....

Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:

TK 156111: Máy tính đồng bộ HP mã HPLP359

TK 156112: Máy tính đồng bộ HP mã HPKL360....

TK 632111: Máy tính đồng bộ HP mã HPLP359

TK 632112: :Máy tính đồng bộ HP mã HPKL360....

- **Chứng từ sử dụng.**

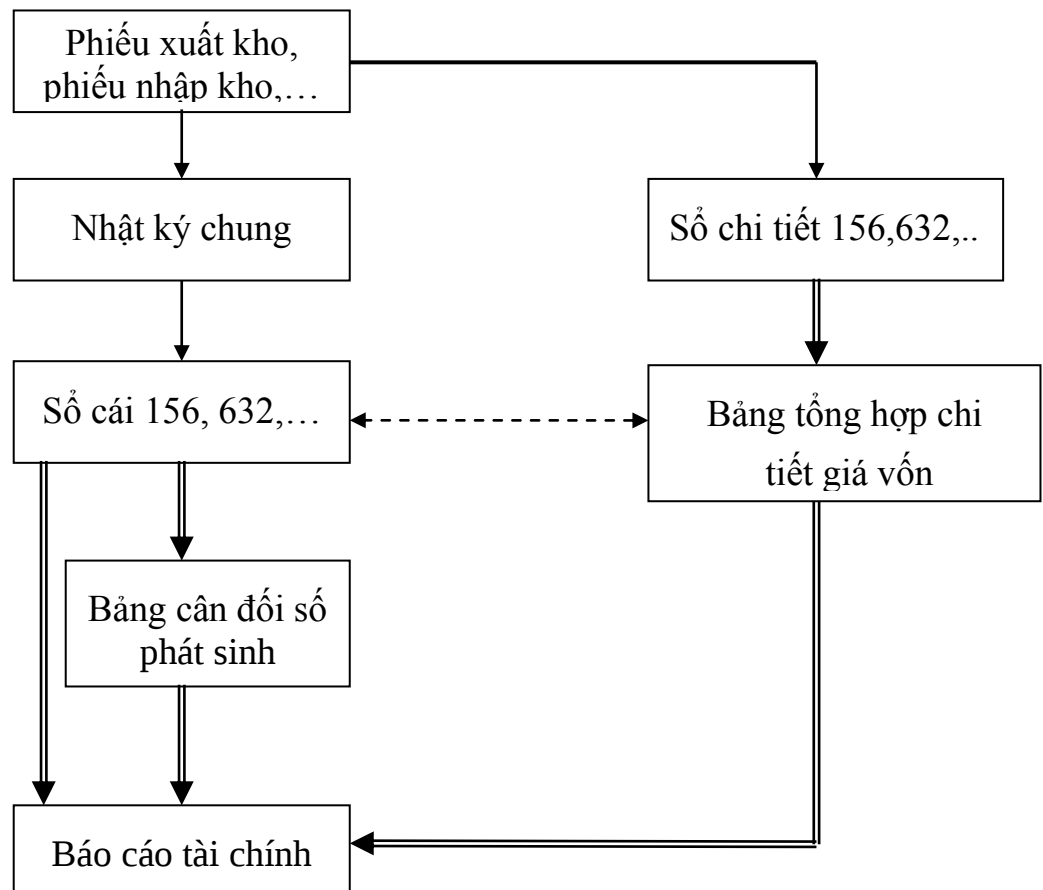
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01GTKT-3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)
- Thẻ kho
- Và các chứng từ khác có liên quan

- **Sổ sách sử dụng.**

- Sổ chi tiết tài khoản 156, 632,...
- Sổ tổng hợp chi tiết 156, 632,..
- Sổ cái tài khoản 111, 112, 156, 632, ...

- **Trình tự luân chuyển chứng từ.**

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối kỳ
- ←-----→ Đối chiếu số liệu cuối kỳ

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 156, 632, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết 156, 632.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 18/10/2012 Công ty TNHH khí công nghiệp Việt Nam mua 04 bộ máy tính đồng bộ HP chưa thanh toán. Đơn giá 14.310.081đ/bộ, giá vốn hàng bán là 57.240.324đ

➤ *Tính giá xuất kho*

- Tồn kho đến cuối ngày 17/10/2012 là 35 bộ máy tính HPLP359
đơn giá 14.310.081đ/bộ

- Ngày 18/10/2012 bán 04 bộ máy tính đồng bộ HPLP359

$$\text{Giá vốn hàng bán} = 4 \times 14.310.081 = 57.240.324đ$$

➤ *Hạch toán*

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 35/10 (biểu số 2.2.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK632: 57.240.324

Có TK156: 57.240.324

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK156, TK632 (biểu số 2.2.3).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.2.4), TK156.

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK632 lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng (biểu số 2.2.5), bảng tổng hợp giá vốn hàng bán ra (biểu số 2.2.6), từ sổ chi tiết TK156 lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn.

+ Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

Đơn vị: Công ty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Mẫu số: 02 – VT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ.....632.....

Ngày. 18...tháng. 10...năm.2012.....

Có.....156.....

Số.....35/10.....

- Họ và tên người nhận hàng: ..Trần Kim Ngân.....Địa chỉ (bộ phận).....Công ty TNHH Khí công nghiệp VN
- Lý do xuất kho:Xuất bán.....
- Xuất tại kho (ngăn lô):Sơn Bình.....Địa điểm:7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359	HPLP 359	Bộ	04	04	14.310.081	57.240.324
	Cộng						57.240.324

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):Năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo:01.....

Ngày.18...tháng. 10...năm..2012..

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH

Mẫu số S03a-DNN

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyên sang			63.429.865.240	63.429.865.240
							
01/10/ 2012	PT 7.10	01/10/ 2012	Khách hàng thanh toán tiền hàng tháng trước	111		10.000.000	
					131		10.000.000
							
07/10/ 2012	PC 9.10	07/10/ 2012	Thanh toán tiền mua điện thoại cho cty Tân Đại Thành	642		18.000.000	
				1331		1.800.000	
					111		19.800.000
							
1810/ 2012	PX 35/10 HĐ.GTGT 0000852	18/10 /2012	Công ty Khí công nghiệp VN mua 04 bộ máy vi tính HP đồng bộ, dòng HPLP359 chưa thanh toán	632		57.240.324	
					156		57.240.324
				131		68.386.120	
					511		62.169.200
					333 1		6.216.920
18/10/ 2012	PC 15.10	18/10 /2012	Chi tạm ứng đi công tác	141		2.000.000	
					111		2.000.000
							
12/12/ 2012	PT 24.12	12/12/ 2012	Rút tiền gửi Ngân Hàng về nhập quỹ	111		30.000.000	
					112		30.000.000
							
			Cộng phát sinh			84.573.153.650	84.573.153.650

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.2.

Công ty cổ phần TM & DV Sơn Bình

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP

Mẫu số S35 – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632 - 632111

Tên sản phẩm: Máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359

Năm 2012

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
.....							
PX 03/10	01/10	Bán cho công ty TNHH Cmax	156111	02	14.135.367	28.270.734	
PX 09/10	04/10	Bán cho công ty TNHH Lưu Đức Phát	156111	01	14.355.210	14.355.210	
PX 17/10	10/10	Bán cho cửa hàng Tuấn Việt	156111	01	14.310.457	14.310.457	
PX 20/10	16/10	Bán cho anh Hạnh	156111	01	14.352.740	14.352.740	
PX 35/10	18/10	Bán cho công ty Khí công nghiệp Việt Nam	156111	04	14.310.081	57.240.324	
PX37/10	19/10	Bán cho công ty TNHH thiết bị VPP Hoàng Long	156111	03	14.310.081	42.930.243	
.....							
		Cộng				701.729.531	701.729.531

Người ghi sổ
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2.3

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH Mẫu số S03b – DNN
 Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Giá vốn hàng bán
 Số hiệu TK: 632
 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
13/10/2012	PX 26/10	13/10/ 2012	Bán máy poto chưa thu tiền	156	19.350.000	
14/10/2012	PX 27/10	14/10/ 2012	Bán máy Fax cho công ty TNHH Vận tải Thăng Long chưa thu tiền	156	3.935.000	
						
18/10/2012	PX 35/10	18/10/ 2012	Bán máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359, chưa thanh toán	156	57.240.324	
						
27/11/2012	PX 52/11	27/11/ 2012	Xuất bán máy in Canon 2500 cho cty VTTH Bắc Giang, chưa nhận được tiền	156	10.500.000	
						
31/12/2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		8.786.093.850
			Cộng số phát sinh		8.786.093.850	8.786.093.850
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.4

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN
THEO TỪNG MẶT HÀNG
Máy tính đồng bộ – TK63211
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	632111	Máy tính đồng bộ HP dòng HPLP359	701.729.531	701.729.531	
2	632112	Máy tính đồng bộ HP dòng HPKL360	480.531.647	480.531.647	
3	632113	Máy tính đồng bộ Sony dòng SNAA140	362.234.020	362.234.020	
4	632114	Máy tính đồng bộ Sony dòng SNKF142	565.209.121	565.209.121	
5	632115	Máy tính đồng bộ Acer dòng ACSS1	291.987.652	291.987.652	
....					
		Cộng	2.108.657.324	2.108.657.324	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.5

Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN BÁN HÀNG TOÀN CÔNG TY

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	63211	Máy tính đồng bộ	2.108.657.324	2.108.657.324	
2	63212	Máy tính laptop	1.897.249.032	1.897.249.032	
3	63213	Máy in thường	728.216.743	728.216.743	
4	63214	Máy in màu	1.265.335.698	1.265.335.698	
5	63215	Máy Fax	844.698.750	844.698.750	
6	63216	Máy scanner	705.573.221	705.573.221	
....					
		Cộng	8.786.093.850	8.786.093.850	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí bán hàng – TK 6421 "Chi phí bán hàng"
- Chi phí quản lý doanh nghiệp – TK6422 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"

Tuy nhiên doanh nghiệp chỉ lập một sổ cái TK642 – Chi phí quản lý kinh doanh mà không lập sổ cái chi tiết cho từng tài khoản 6421- Chi phí bán hàng và tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp

Chi phí bán hàng tại công ty là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hóa bao gồm chi phí lưu kho bãi, chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí nhân viên, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác ...

➤ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác ...

Tài khoản sử dụng.

- TK 6421: Chi phí bán hàng.
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Và các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

• **Sổ sách sử dụng.**

- Sổ cái TK 642
- Sổ nhật ký chung
- Và các sổ khác có liên quan

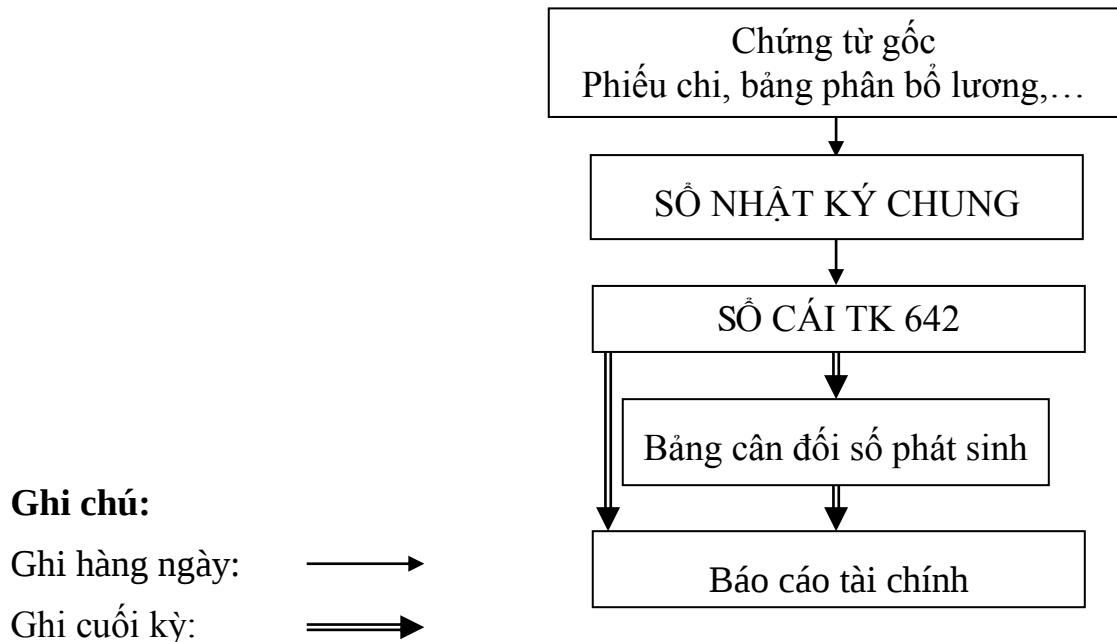
• **Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Các chứng từ khác có liên quan

• **Trình tự luân chuyển chứng từ.**

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau

Sơ đồ 2.2.3 - Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình



- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642, ...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ1: Ngày 20/10 thanh toán tiền thuê kho cho công ty xây dựng Bạch Đằng 5 số tiền 3.850.000đ bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 00001578 (biểu số 2.3.1) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.2), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 3.500.000

Nợ TK 133 : 350.000

Có TK 111: 3.850.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3.5); thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.3.6), TK 133, TK111.

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: (Giao khách hàng) Ngày 20 tháng 10 năm 2012	Mẫu số: 01 GTKT3/001 Kí hiệu: AA/12P Số: 00001578																		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 5 Địa chỉ: Số 264 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0316.567.960 MST: 0200178682																			
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình Địa chỉ: Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM .MST: 0200249607																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 25%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">Thuê kho C1</td> <td style="text-align: center;">Kho</td> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: right;">3.500.000</td> <td style="text-align: right;">3.500.000</td> </tr> <tr> <td> </td> <td style="text-align: center;">/</td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>		STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Thuê kho C1	Kho	1	3.500.000	3.500.000		/				
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	Thuê kho C1	Kho	1	3.500.000	3.500.000														
	/																		
Cộng tiền hàng: 3.500.000																			
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 350.000																			
Tổng cộng tiền thanh toán: 3.850.000																			
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng.																			
<table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;">Người mua hàng</td> <td style="width: 33%;">Người bán hàng</td> <td style="width: 33%;">Thủ trưởng đơn vị</td> </tr> <tr> <td>(Kí, ghi rõ họ tên)</td> <td>(Kí, ghi rõ họ tên)</td> <td>(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)</td> </tr> </table>		Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị	(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)												
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị																	
(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, ghi rõ họ tên)	(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)																	

Biểu số 2.3.1

Đơn vị: Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình

Mẫu số: 02 - TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:05.....

Ngày 20 tháng 10 năm 2012.

Số:PC45/10.....

Nợ:642/133.....

Có:111.....

Họ và tên người nhận tiền: Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 5

Địa chỉ: Số 264 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP

Lý do chi: Thanh toán tiền thuê kho C1

Số tiền: 3.850.000đ (bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kèm theo:01.....chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người	Người
(Ký, họ tên,	trưởng	(Ký,	lập phiếu	nhận tiền
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3.2

Ví dụ 2:

Ngày 21/10/2012 phát sinh nghiệp vụ tiếp khách phục vụ cho quản lý doanh nghiệp.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0002176 (biểu số 2.3.3) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.4), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK642: 2.150.000

Nợ TK133: 215.000

Có TK111: 2.365.000

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3.5).
- + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.3.6).
- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG**QU/12B**

Liên 2: Giao khách hàng

0002176

Ngày 21 tháng 10 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Phú Gia

- Địa chỉ: 14 Trần Phú - Hải Phòng

- Số TK:

- Điện thoại: 0313.884437

MST: 0025011423

Họ tên người mua hàng: ông Phạm Tuấn Hùng

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

- Địa chỉ: Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - HP

-Số TK:

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: 0200178682

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tiếp khách			2.150.000	2.150.000
Cộng tiền hàng					2.150.000
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT					215.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.365.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn/.

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ, họ tên)

Biểu số 2.3.3

Đơn vị: Công ty cổ phần TM&DV Sơn Bình

Mẫu số: 02 - TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:05.....

Ngày 21 tháng 10 năm 2012

Số.....PC 46/10.....

Nợ:642/133.....

Có:111.....

Họ và tên người nhận tiền:Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 5

Địa chỉ: .Số 264 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 2.365.000đ (viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng

Kèm theo:01.....chứng từ gốc.

Ngày 21 tháng 10 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người	Người
(Ký, họ tên,	trưởng	(Ký,	lập phiếu	nhận tiền
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3.4

CÔNG TY CỔ PHẦN TM VÀ DV SƠN BÌNH

Mẫu số S03a-DNN

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
				Nợ	Có		
			Số trang trước chuyển sang			63.429.865.240	63.429.865.240
							
01/10/2012	PT 7.10	01/10/2012	Khách hàng thanh toán tiền hàng tháng trước	111		10.000.000	
					131		10.000.000
							
18/10/2012	PX 35/10 HĐ.GTGT 0000852	18/10/2012	Công ty Khí công nghiệp VN mua 04 bộ máy vi tính HP đồng bộ,đòng HPLP359 chưa thanh toán	632		57.240.324	
					156		57.240.324
				131		68.386.120	
					511		62.169.200
					3331		6.216.920
							
20/10/2012	PC 45.10	20/10/2012	Thanh toán tiền thuê kho cho công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 5 bằng tiền mặt	642		3.500.000	
				133		350.000	
					111		3.850.000
21/10/2012	PC46.10	21/10/2012	Chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý doanh nghiệp	642		2.150.000	
				133		215.000	
					111		2.365.000
							
12/02/2012	PT 24.2	12/02/2012	Rút tiền gửi Ngân Hàng về nhập quỹ	111		30.000.000	
					112		30.000.000
							
			Cộng phát sinh			84.573.153.650	84.573.153.650

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3.5

CÔNG TY CỔ PHẦN TM VÀ DV SƠN BÌNH

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Mẫu số S03b – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
19/10/ 2012	PC 40.10	19/10/ 2012	Chi phí mua ngoài	111	257.000	
20/10/ 2012	PC 45.10	20/10/ 2012	Thanh toán tiền thuê kho cho công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 5, bằng TM	111	3.500.000	
21/10/ 2012	PC46.10	21/10/ 2012	Chi tiếp khách phục vụ quản lý	111	2.150.000	
21/10/ 2012	PC 51.10	21/10/ 2012	Trả tiền điện thoại văn phòng	111	1.089.784	
21/10/ 2012	PC52.10	21/10/ 2012	Trả tiền điện	111	5.983.782	
						
31/12/ 2012	PKT16	31/12/ 2012	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		2.407.149.000
			Cộng số phát sinh		2.407.149.000	2.407.149.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Biểu số 2.3.6**

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Sơn Bình chỉ bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế. Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh.

➤ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 515 - doanh thu hoạt động tài chính

TK 112 - tiền gửi ngân hàng

TK 111 - tiền mặt

Và các TK liên quan

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu thu

- Giấy báo có

- Giấy báo lãi của ngân hàng

- Sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn,...

Chi phí hoạt động tài chính của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình là các khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động.

➤ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

TK 111 - Tiền mặt

TK 131 - Phải thu khách hàng

Và các TK liên quan

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng

- Sổ phụ Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

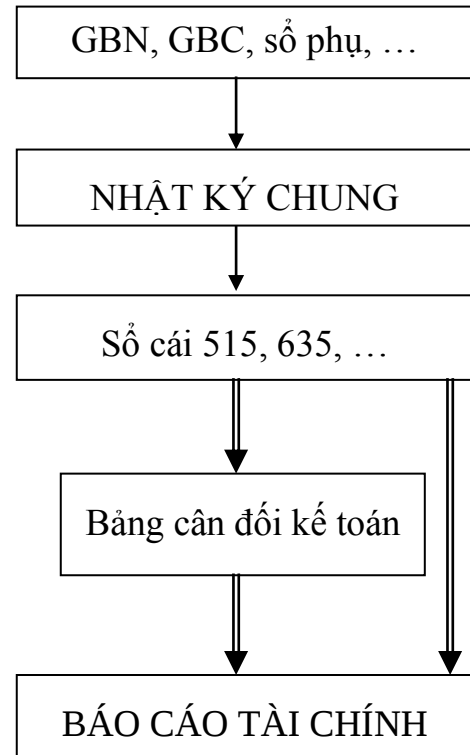
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:

Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối kỳ



- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515, 635, ...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/10/2012, công ty thu tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền 357.778đ

- Căn cứ vào GBC (biểu số 2.4.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK112: 357.778

Có TK515: 357.778

Ngày 31/10/2012, công ty trả tiền lãi vay ngắn hạn của NH nông nghiệp và phát triển nông thôn, số tiền 13.267.334đ

- Căn cứ vào GBN (biểu số 2.4.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK635: 13.267.334

Có TK112: 13.267.334

- Từ các bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.4.3).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.4.4), sổ cái TK 635 (biểu số 2.4.5).

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chi nhánh Trần Phú – Hải Phòng

Mã số thuế của CN : 0100695309

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2 : Trả khách hàng

Tên khách hàng: Cty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình
Địa chỉ: Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP
Mã số thuế KH: 0200249607

Ngày giao dịch
31/10/2012

Thông báo với khách hàng

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách số tiền sau.

Diễn giải	Nhập lãi không kỳ hạn		
Số TK	0031001073676	Số GD	123/NN

Chi tiết	Số tiền			Diễn giải
Nộp vào quỹ	C	VND	357.778	
Từ hệ thống khác	C	VND		
VAT	C	VND		
a/c	D	VND	357.778	Cty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Lập lệnh : Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn HP

Người hưởng: Cty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Ngân hàng thanh toán

Nội dung: Nhập lãi không kỳ hạn

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu số 2.4.1

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh Trần Phú – Hải Phòng
Mã số thuế của CN : 0100695309
CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
Liên 2 : Thu khách hàng

Tên khách hàng: Cty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình	Ngày giao dịch
Địa chỉ: 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP	31/10/2012
Mã số thuế KH: 02000249607	

Thông báo với khách hàng

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách số tiền sau.

Diễn giải	Trả tiền lãi vay ngân hàng		
Số TK	0031001073676	Số GD	102/NN

Chi tiết	Số tiền			Diễn giải
Nộp vào quỹ	C	VND	13.267.334	
Từ hệ thống khác	C	VND		
VAT	C	VND		
a/c	D	VND	13.267.334	Cty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Lập lệnh : Cty CP thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Người hưởng: Ngân hàng NN&PT nông thôn

Ngân hàng thanh toán

Nội dung: Trả lãi vay ngân hàng

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu số 2.4.2

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			63.429.865.240	63.429.865.240
							
01/10/ 2012	PT 7.10	01/10/ 2012	Khách hàng thanh toán tiền hàng tháng trước	111		10.000.000	
					131		10.000.000
							
18/10/ 2012	PX35/10 HĐ.GTGT 0000852	18/10/ 2012	Công ty Khí công nghiệp VN mua 04 bộ máy vi tính HP đồng bộ,dòng HPLP359 chưa thanh toán	632		57.240.324	
					156		57.240.324
				131		68.386.120	
					511		62.169.200
					3331		6.216.920
							
20/10/ 2012	PC 45.10	20/10/ 2012	Thanh toán tiền thuê kho cho công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 5 bằng tiền mặt	642		3.500.000	
				1331		350.000	
					111		3.850.000
							
31/10/ 2012	GBC 123/NN	31/10/ 2012	Thu lãi tiền gửi ngân hàng NN&PTNT	112		357.778	
					515		357.778
31/10/ 2012	GBN 102/NN	31/10/ 2012	Trả lãi tiền vay ngân hàng NN&PTNN	635		13.267.334	
					112		13.267.334
							
12/12/ 2012	PT 24.12	12/12/ 2012	Rút tiền gửi Ngân Hàng về nhập quỹ	111		30.000.000	
					112		30.000.000
							
			Cộng phát sinh			84.573.153.650	84.573.153.650

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4.3

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH

Mẫu số S03b – DNN

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/10 2012	GBC 123/NN	31/10 2012	Lãi tiền gửi ngân hàng NN và PTNN	112		357.778
31/10/ 2012	GBC 57/HH	31/10/ 2012	Lãi tiền gửi ngân hàng cổ phần Hàng Hải	112		489.159
31/10/ 2012	GBC 78/CT	31/10/ 2012	Lãi tiền gửi ngân hàng Công thương	112		102.459
						
31/12/ 2012	PKT15	31/12/ 2012	Kết chuyển doanh thu hđkd	911	6.649.716	
			Cộng số phát sinh		6.649.716	6.649.716
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Biểu 2.4.4**

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH
 Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP
 Mẫu số S03b – DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 635

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/10/ 2012	GBN 102/NN	31/10/ 2012	Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng NN&PTNN	112	13.267.334	
31/10/ 2012	GBN 59/HH	31/10/ 2012	Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng Hàng Hải	112	7.111.150	
31/10/ 2012	GBN 75/CT	31/10/ 2012	Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng Vietcombank	112	10.455.378	
						
31/12/ 2012	PKT16	31/12/ 2012	Kết chuyển chi phí tài chính	911		481.429.800
			Cộng số phát sinh		481.429.800	481.429.800
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4.5

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán

Cách lập phiếu kế toán: Cuối kì tập hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Tài khoản sử dụng.**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Và các TK khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632, ...

Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 642.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

1. Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)
=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

$$\text{Thuế TNDN} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN}}{\text{TNDN}} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Hiện nay, công ty áp dụng Thuế suất thuế TNDN: 25%

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)
=> Doanh nghiệp hòa vốn.

3. Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)
=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

➤ **Trình tự hạch toán**

Cuối quý, năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và các sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ: Kế toán thực hiện tính toán kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2012. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 12.105.745.000đ
- Doanh thu hoạt động tài chính: 6.649.716 đ
- Giá vốn hàng bán: 8.786.093.850đ
- Chi phí hoạt động tài chính: 481.429.800đ
- Chi phí quản lý kinh doanh: 2.407.149.000đ

<i>Kết quả</i>		<i>Doanh</i>		<i>Doanh</i>		<i>Chi phí</i>		<i>Chi phí</i>
<i>kinh</i>	=	<i>thu</i>	-	<i>thu</i>	-	<i>tài</i>	-	<i>quản lý</i>
<i>doanh</i>		<i>thuần</i>		<i>HĐTC</i>		<i>chính</i>		<i>kinh</i>
								<i>doanh</i>

- Kết quả kinh doanh = 12.105.745.000đ + 6.649.716đ – 8.786.093.850đ
- 481.429.800đ - 2.407.149.000đ = 437.722.066đ > 0

Kết quả kinh doanh > 0 : Lãi

- Thuế TNDN phải nộp = 437.722.066đ * 25% = 109.430.517đ

Kết quả kinh doanh lãi: 437.722.066đ * 75% = 328.291.550đ

Sau khi xác định lãi kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang TK 421

Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập phiếu kế toán ghi có TK911(biểu số 2.5.1), phiếu kế toán ghi nợ TK911 (biểu số 2.5.2).

- Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

1, Nợ TK511: 12.105.745.000
Nợ TK515: 6.649.716
Có TK911: 12.112.394.716

3, Nợ TK821: 109.430.517
Có TK3334: 109.430.517

2, Nợ TK911: 11.674.672.650
Có TK632: 8.786.093.850
Có TK642: 2.407.149.000
Có TK 635: 481.429.800

4, Nợ TK911: 109.430.517
Có TK821: 109.430.517

5, Nợ TK911: 328.291.550
Có TK421: 328.291.550

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.5.3). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK911(biểu số 2.5.4), TK821, TK421.

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC (biểu số 2.5.5).

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình**Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân – HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Số: 15

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	K/c doanh thu bán hàng	511	911	12.105.745.000
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	6.649.716
	Tổng			12.112.394.716

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập phiếu*(đã ký)***Biểu 2.5.1**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Số: 16

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	8.786.093.850
2	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	642	2.407.149.000
3	K/c chi phí tài chính	911	635	481.429.800
4	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	109.430.517
5	K/c LN sau thuế	911	421	328.291.550
	Tổng			12.112.394.716

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập phiếu

(đã ký)

Biểu 2.5.2

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
				Nợ	Có		
			Số trang trước chuyển sang			63.429.865.240	63.429.865.240
							
12/12/ 2012	PT 24.12	12/12/ 2012	Rút tiền gửi Ngân Hàng về nhập quỹ	111		30.000.000	
					112		30.000.000
31/12/ 2012	GBN 102/NN	31/12/ 2012	Trả lãi tiền vay ngân hàng NN&PTNN	635		13.267.334	
					112		13.267.334
							
31/12/ 2012	PKT 15	31/12/ 2012	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hđtc	511		12.105.745.00	
				515		6.649.716	
					911		12.112.394.716
31/12/ 2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hđtc	911		11.674.672.650	
					632		8.786.093.850
					635		481.429.800
					642		2.407.149.000
31/12/ 2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		109.430.517	
					821		109.430.517
31/12/ 2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		328.291.550	
					421		328.291.550
							
			Cộng phát sinh			84.573.153.650	84.573.153.650

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.3

CÔNG TY CP TM VÀ DV SƠN BÌNH
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân- HP

Mẫu số S03b – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12/ 2012	PKT 15	31/12 2012	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hđ tài chính	511		12.105.745.000
				515		6.647.716
31/12/ 2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hđtc	632	8.786.093.850	
				635	481.429.800	
				642	2.407.149.000	
31/12/ 2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	109.430.517	
31/12/ 2012	PKT 16	31/12/ 2012	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	421	328.291.550	
			Cộng số phát sinh		12.112.394.716	12.112.394.716
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.4

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình**Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP****Mẫu số B02 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		12,105,745,000	10.859.368.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		12,105,745,000	10.859.368.000
4. Giá vốn hàng bán	11		8,786,093,850	7.925.301.430
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3,319,651,150	2.934.066.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6,649,716	4.210.354
7. Chi phí tài chính	22		481,429,800	450.112.500
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		481,429,800	450.112.500
8. Chi phí quản kinh doanh	24		2,407,149,000	2.125.375.000
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		437,722,066	354.368.716
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		437,722,066	354.368.716
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		109,430,517	88.592.179
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		328,291,550	265.776.537

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.5

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN BÌNH

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

3.1.1. Đánh giá chung.

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của công ty tăng lên đáng kể. Đó chủ yếu là do sự năng động, sáng tạo của Ban Giám Đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện được làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình.

3.1.2. Ưu điểm.

➤ Về hình thức kế toán và chứng từ sử dụng

Hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty sử dụng khá phù hợp với mô hình của công ty hiện nay. Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng và có đầy đủ yếu tố cần thiết, đồng thời tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.

➤ Về tổ chức công tác kế toán

Công tác kế toán được tổ chức phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán, tài chính Nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán

Về tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp, đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu được rõ ràng, tránh sai sót, đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, chính xác để giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá tình hình hoạt động, từ đó đề ra những mục tiêu, kế hoạch hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thị trường. Công ty cũng thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình với ngân sách nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

➤ Về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó công ty cũng mở theo dõi chi tiết một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

➤ Về thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ

+ Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

+ Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán công ty có mở Sổ kế toán chi tiết đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

+ Cuối kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

➤ *Về phương thức hạch toán hàng tồn kho*

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của hàng hóa.

➤ *Về việc kê khai thuế*

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

3.1.3. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

➤ *Về việc ghi chép sổ sách kế toán.*

Hiện nay, công việc kế toán trong công ty vẫn thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh luân chuyển chứng từ vẫn chậm, mất thời gian, dễ nhầm lẫn, xảy ra sai sót.

➤ *Về hệ thống sổ sách kế toán.*

Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho tài khoản 642 theo từng yếu tố, điều này sẽ gây khó khăn trong việc hạch toán chi phí và theo dõi từng yếu tố của chi phí quản lý kinh doanh.

➤ *Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty đóng vai trò vô cùng quan trọng. Những chính sách ấy sẽ tạo ra sức hấp dẫn

với khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng sản phẩm có thương hiệu, uy tín trên thị trường và được hưởng những chính sách ưu đãi. Nhưng hiện nay, Công ty lại không áp dụng các chính sách ưu đãi như chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu thanh toán... Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với Công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, việc thu hồi vốn phục vụ cho quá trình kinh doanh chậm.

➤ *Về việc áp dụng phương thức bán hàng linh hoạt.*

Do đặc điểm của nền kinh tế thị trường rất phong phú, các mặt hàng công ty đang kinh doanh đa dạng, giá trị tương đối lớn. Vì vậy để có thể tồn tại và ngày càng phát triển trên thị trường thì công ty phải đa dạng hóa các phương thức bán hàng. Nhưng hiện nay trong công ty chỉ áp dụng hai phương thức bán hàng là bán buôn và bán lẻ, vì vậy đã phần nào làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa của công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ *Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Mặt hàng của công ty chủ yếu là các sản phẩm điện tử, đây là những mặt hàng chịu sự biến động lớn của nền kinh tế thị trường đặc biệt là trong tình hình tỉ giá hối đoái đang có sự biến động lớn như hiện nay (thường xuyên tăng lên, giảm xuống bất thường), thêm vào đó giá điện, nước, xăng dầu cũng biến động không ngừng làm cho trị giá hàng hóa cũng thay đổi theo. Tuy nhiên công ty chưa lập các khoản dự phòng để bảo đảm tránh những rủi ro phát sinh từ việc giảm giá hàng tồn kho.

➤ *Về dự phòng nợ phải thu khó đòi.*

Công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của các khách hàng đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp phải luôn có các chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng, đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra và đối chiếu nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học, Ban quản lý của Công ty có thể nắm bắt được thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài sản của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... để từ đó ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3.2.3. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và những thông tin kiến thức đã học được em xin đưa ra một số giải pháp nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình như sau:

Kiến nghị 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và ghi chép sổ sách kế toán.

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học và hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã đang và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Trong khi đó, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình là công ty kinh doanh các thiết bị văn phòng, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn do vậy trong kỳ phát sinh nhiều nghiệp vụ cũng như việc tính toán rất phức tạp dễ xảy ra sai sót. Chính vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán với công ty là vô cùng cần thiết, cụ thể bởi những lý do sau:

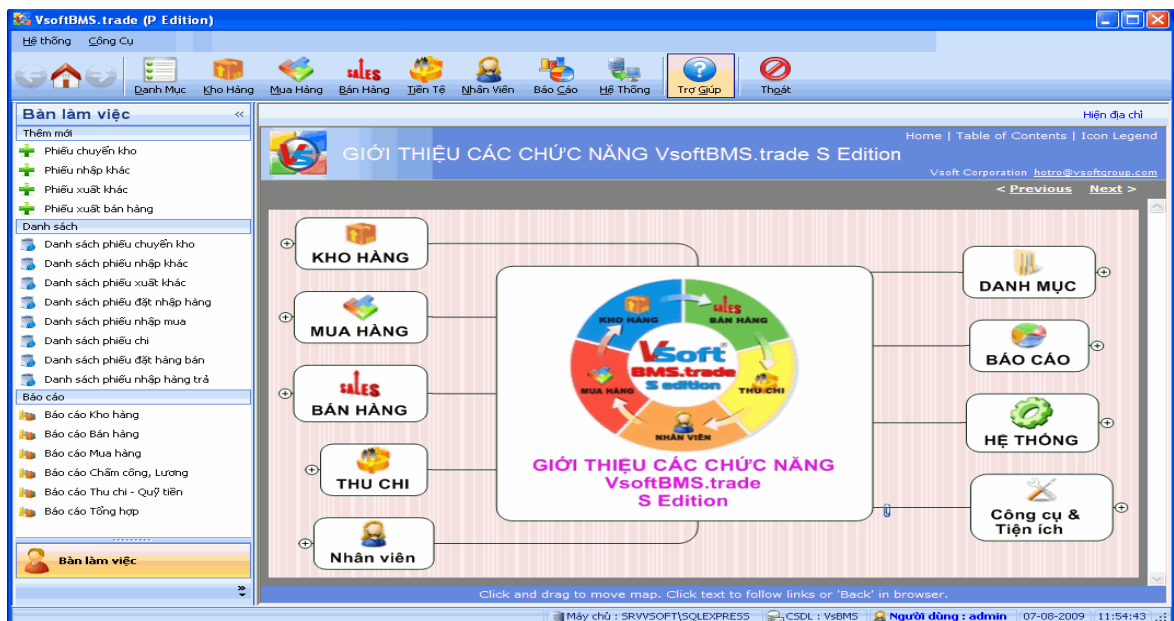
- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.
- Giải phóng các kế toán viên khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán sổ học đơn giản để họ dành nhiều thời gian cho việc phân tích thông tin và lao động sáng tạo.
- Hạn chế được việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tính toán số liệu.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như Bravo, Vacom Accounting, VsoftBMS.trade (**mô hình 3.1**)....Đồng thời cũng có một số đơn vị cung cấp các phần mềm kế toán miễn phí như phần mềm kế toán MISA- SME Express 7.9 dùng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của công ty cổ phần MISA hoặc phần mềm kế toán AOF ACCOUNTING (**mô hình 3.2**) Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ theo **sơ đồ 1.13**

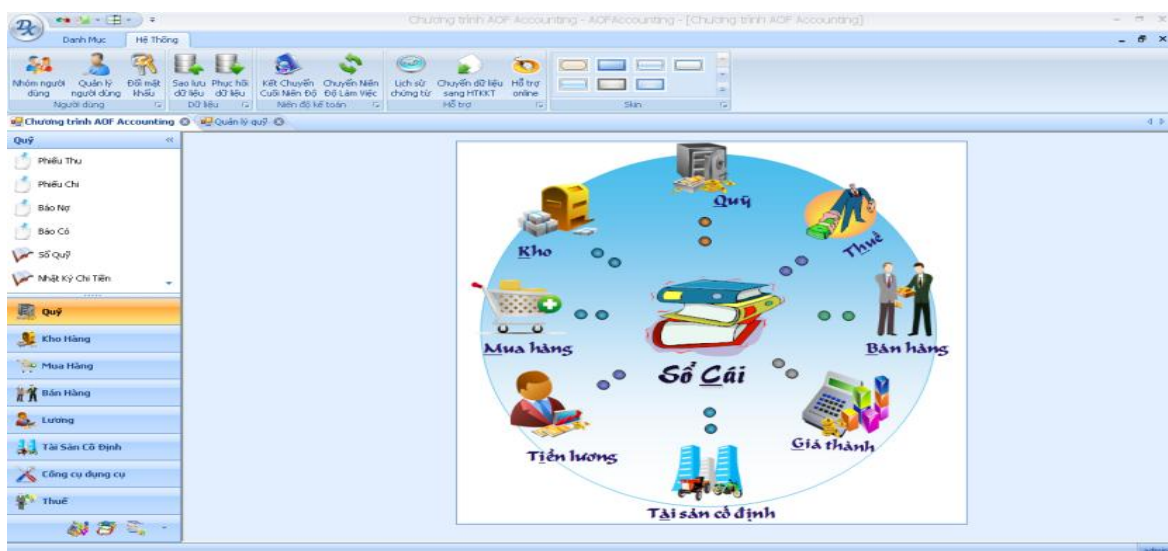
- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả những sổ sách có liên quan. Đến cuối kỳ, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

- Từ đó lập ra các Báo cáo tài chính.



Mô hình 3.1 – Giao diện phần mềm kế toán VsoftBMS.trade



Mô hình 3.2 – Giao diện phần mềm kế toán AOF ACCOUNTING

Kiến nghị 2: Áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực thiết bị văn phòng, hàng điện tử như CPN, Hoàng Cường, Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ Vì vậy để có thể thu hút được những khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, công ty sử dụng **TK521 - Chiết khấu thương mại**.

➤ **Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên:**

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

➤ **Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại**

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu

thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

➤ **Phương pháp hạch toán;**

- ✓ Khi thực hiện chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 521(1):

Nợ TK 3331:

Có TK 131,111,112,...:

- ✓ Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thương mại thực sự phát sinh trong kỳ sang TK511:

Nợ TK 511:

Có TK 521(1):

- Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Kiến nghị 3: Áp dụng các chính sách chiết khấu thanh toán.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty đóng vai trò rất quan trọng, nó sẽ quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Hơn nữa, trong điều kiện hiện nay có rất nhiều đối thủ cạnh tranh, lãi suất vay ngân hàng mặc dù có xu hướng giảm nhưng vẫn có tỷ lệ cao, nhu cầu vốn kinh doanh lớn mà doanh nghiệp lại không thiết lập chính sách chiết khấu thanh toán trong chiến lược kinh doanh của công ty sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, làm giảm doanh thu bán hàng, theo đó việc thu hồi vốn để phục vụ cho quá trình kinh doanh cũng chậm.

Chính vì lẽ đó để có thể thu hút khách hàng, đồng thời đẩy nhanh việc thu hồi vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần phải xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Chiết khấu thanh toán là số tiền doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp sớm hơn thời hạn ghi trong hợp đồng.

Để hạch toán chiết khấu thanh toán, Công ty sử dụng TK 635- Chi phí hoạt động tài chính.

- ✚ Lãi suất chiết khấu thanh toán của Công ty cho khách hàng hưởng có thể dựa trên các yếu tố sau:
 - Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh theo từng thời kỳ của doanh nghiệp.
 - Công ty có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
 - Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của các doanh nghiệp khác cùng ngành.
 - Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng các mức chiết khấu theo thời gian.

✚ Phương pháp hạch toán:

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK635 – Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí Công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu khi khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ TK 635

Có TK 131

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán trong chiến lược kinh doanh của Công ty, không những Công ty có thể giữ được những khách hàng quen thuộc mà còn có thể tăng lượng khách hàng trong tương lai vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, thu hồi vốn sớm để phục vụ kinh doanh.

Kiến nghị 4: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết.

Do chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mẫu số S18-DNN ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) nên khi phát sinh khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, kế toán theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí một cách dễ dàng hơn.

Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho tài khoản 642, tài khoản này được mở chi tiết thành 2 tiểu khoản, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 6421 : Chi phí bán hàng - là khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ...

- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp – là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

❖ Lấy lại ví dụ ở phần chi phí quản lý kinh doanh.

Kế toán mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho tài khoản 642 (*biểu số 3.1*), khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ có thể theo dõi chi tiết từng yếu tố.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình
Số 7/14/262 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S18 – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012
Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						TK6421	TK6422
A	B	C	D	E	1	2	3
							
19/10	PC 40.10	19/10	Chi phí mua ngoài bằng tiền mặt	111	257.000	257.000	
20/10	PC 45.10	20/10	Thanh toán tiền thuê kho cho công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 5, bằng TM	111	3.500.000	2.500.000	
21/10	PC 51.10	21/10	Trả tiền điện thoại văn phòng công ty	111	1.889.784		1.889.784
...	...	...		...	...	...	...
31/10	BTTL10	31/10	Tính lương cho CBCNV	334	105.554.065	56.069.255	46.592.459
....							
			Cộng số phát sinh trong kỳ		2.407.149.000	1.301.546.500	1.105.603.500

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Ngày 31 tháng 01 năm 2013
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kiểm nghị 5: Về dự phòng nợ phải thu khó đòi.

➤ Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2012). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

➤ Để khắc phục hạn chế trên, công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ Mức trích lập: (Theo thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án

hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

Tài khoản sử dụng: TK159(2)- Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

➤ **Phương pháp hạch toán**

- ✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nợ TK642

Có TK159(2)

Đến cuối năm tiếp theo, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí.

Nợ TK 642

Có TK 159(2)

- ✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

- ✓ Nếu các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ:

Nợ TK 159(2): (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK642: (nếu chưa trích lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK138:

Đồng thời ghi Nợ TK004

- ✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK111,112...

Có TK711

Đồng thời ghi Có TK004

Ví dụ: Căn cứ vào báo cáo công nợ đến ngày 31/12/2012, kế toán xác định:

Công ty TNHH ứng dụng công nghệ CMAX nợ 40.087.080, quá hạn 8 tháng.

Công ty cổ phần tin học Hoàng Long nợ 28.261.684, quá hạn 10 tháng...

Xác định khoản nợ quá hạn là: 234.949.400. Trong đó số quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm là 165.638.700, quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm là 69.310.700

Khoản nợ không đòi được: 41.265.700

Đến ngày 31/12, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số dự phòng phải thu khó đòi = $165.638.800 * 30\% + 69.710.600 * 50\% = 84.546.940$ đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK642: 84.546.940

 Có TK159(2): 84.546.940

Đối với khoản khách hàng nợ được xác định là không thu hồi cần xử lý đưa vào chi phí như sau: Nợ TK642: 41.265.700

 Có TK131: 41.265.700

 Nợ TK004: 41.265.700

• Với việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ giúp cho công ty giảm mức tối đa những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay.

Kiến nghị 6: Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Mặt hàng mà công ty kinh doanh là những mặt hàng có tính chất nhạy cảm, chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường rất lớn. Hơn nữa với tình hình hiện nay, tỉ giá ngoại tệ (cụ thể là USD) biến động tương đối lớn, thường xuyên tăng, giảm bất thường. Thêm vào đó chi phí điện nước, xăng dầu cũng biến động dẫn đến giá trị hàng hóa cũng biến động không ngừng. Vì thế công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng **tài khoản 159(1) “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”** cuối kỳ. Tài khoản 159(1) được mở chi tiết cho từng loại hàng.

➤ **Quy định khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng hàng hóa tồn kho.

- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi

trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

➤ **Phương pháp hạch toán.**

- Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi: Nợ TK632:

 Có TK159(1):

- Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+, Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

 Nợ TK632:

 Có TK159(1):

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

 Nợ TK159(1):

 Có TK632:

Việc công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho doanh nghiệp giảm thiểu được những tổn thất do sự biến động giá trị của hàng hóa gây ra, đồng thời có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp kinh doanh cùng một lĩnh vực như CPN, Hoàng Cường,...

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tiễn tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình, em có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về từng phần hành kế toán đã học, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nhận thấy rõ hơn vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời luôn luôn có khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nói cụ thể hơn là mỗi doanh nghiệp đều có những đặc điểm riêng vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán cũng phải có những bước vận dụng linh hoạt từ chế độ kế toán nhà nước vào tình hình cụ thể của đơn vị mình.

Là sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán, em luôn nghĩ cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tế ở nhiều góc độ khác nhau trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sau một thời gian tìm hiểu em đã nhận thức được nhiều hơn về vấn đề này. Em tin rằng đây sẽ là vốn kiến thức, hành trang quý báu giúp em bước vào đời.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong cuốn khóa luận tốt nghiệp đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình”***. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức đã học trong trường để trình bày những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sơn Bình. Tuy nhiên do kiến thức còn chưa sâu rộng, thời gian và trình độ còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận này được hoàn thành tốt nhất.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thầy giáo - Th.s Nguyễn Văn Thụ, giảng viên trường Đại học dân lập Hải Phòng, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Bình đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nhà xuất bản tài chính
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) - Nhà xuất bản tài chính
4. Lý thuyết và thực hành kế toán - NXB Tài chính Hà Nội
5. Giáo trình kế toán tài chính - Trường Học viện tài chính
6. Giáo trình nguyên lý kế toán - Nhà xuất bản thống kê.
7. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới - PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
8. Website : <http://www.ketoanthue.vn> và <http://www.ketoanthucte.com>.